VGP CHINHPHU.VN
Người ký: Cổng Thông tin điện tử Chính phủ
Email: thongtinchinhphu@chinhphu.vn
Cơ quan: Văn phòng Chính phủ
Thời gian ký: 19.01.2021 16:45:09 +07:00

Số 75 + 76 **Ngày 19 tháng 01 năm 2021**

MỤC LỤC

Trang

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

CHÍNH PHỦ

25-12-2020 - Nghị định số 150/2020/NĐ-CP về chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần. 2

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

VĂN BẢN HỢP NHẤT - BỘ XÂY DỰNG

31-12-2020 - Văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BXD hợp nhất Thông tư hướng dẫn xác định giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng. 79

(Đăng từ Công báo số 75 + 76 đến số 77 + 78)

VGP CHINHPHU.VN
Người ký: Cổng Thông tin điện tử Chính phủ
Email: thongtinchinhphu@chinhphu.vn
Cơ quan: Văn phòng Chính phủ
Thời gian ký: 19.01.2021 16:45:17 +07:00

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

CHÍNH PHỦ

CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 150/2020/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày 25 tháng 12 năm 2020*

NGHỊ ĐỊNH
Về chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Kế toán ngày 20 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định về chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định việc chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đơn vị sự nghiệp công lập đáp ứng điều kiện để chuyển thành công ty cổ phần được quy định tại Điều 4 Nghị định này bao gồm:

a) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;

b) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc các đơn vị thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;

c) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là UBND cấp tỉnh);

d) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác của UBND cấp tỉnh;

đ) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi là UBND cấp huyện);

e) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh;

g) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc đơn vị sự nghiệp công lập thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND cấp tỉnh, Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh;

h) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

2. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND cấp tỉnh, Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan trong việc chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi là đơn vị sự nghiệp thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định này thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần.

2. Vốn nhà nước của đơn vị sự nghiệp công lập để chuyển thành công ty cổ phần là giá trị phần kinh phí ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước và các nguồn quỹ thuộc sở hữu nhà nước tại đơn vị sự nghiệp công lập được xác định theo công thức quy định tại khoản 2 Điều 23 Nghị định này.

3. "Thời điểm quyết định chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần" là ngày cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 39 Nghị định này ban hành quyết định chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần.

4. "Thời điểm xác định giá trị đơn vị sự nghiệp công lập để chuyển thành công ty cổ phần" là ngày cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 39 Nghị định này lựa chọn phù hợp với phương pháp xác định giá trị đơn vị sự nghiệp công lập.

5. "Thời điểm công bố giá trị đơn vị sự nghiệp công lập" là ngày cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 39 Nghị định này ban hành quyết định công bố giá trị đơn vị sự nghiệp công lập chuyển thành công ty cổ phần.

6. "Thời điểm đơn vị sự nghiệp công lập chính thức chuyển thành công ty cổ phần" là ngày đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần lần đầu.

7. "Bán đấu giá cổ phần" là hình thức bán công khai cổ phần của đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi cho các nhà đầu tư có sự cạnh tranh về giá.

8. "Tổ chức bán đấu giá cổ phần" là Sở giao dịch chứng khoán hoặc công ty chứng khoán hoặc trung tâm dịch vụ, doanh nghiệp đấu giá tài sản theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản được cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 39 Nghị định này lựa chọn.

9. "Giá khởi điểm" là mức giá ban đầu thấp nhất của một cổ phần được chào bán ra bên ngoài do cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 39 Nghị định này quyết định nhưng không thấp hơn mệnh giá một cổ phần (10.000 đồng Việt Nam). Việc xác định giá khởi điểm được thực hiện thông qua tổ chức tư vấn đảm bảo xác định đầy đủ giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi đã được xác định lại giá trị do cơ quan có thẩm quyền công bố.

10. "Chi phí chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập" là các khoản chi liên quan trực tiếp đến quá trình chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần từ

thời điểm quyết định chuyển thành công ty cổ phần đến thời điểm bàn giao giữa đơn vị sự nghiệp chuyển đổi và công ty cổ phần.

11. Người lao động làm việc theo chế độ hợp đồng lao động tại thời điểm chuyển đổi bao gồm viên chức quản lý, viên chức, người lao động làm việc tại đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi.

Điều 4. Điều kiện chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần

Các đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định này thực hiện chuyển thành công ty cổ phần khi đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:

1. Tự bảo đảm chi thường xuyên và đầu tư hoặc tự đảm bảo được chi thường xuyên trong năm gần nhất với thời điểm thực hiện chuyển đổi.

2. Còn vốn nhà nước sau khi đã được xử lý tài chính và xác định lại giá trị đơn vị sự nghiệp công lập.

3. Thuộc danh mục ngành, lĩnh vực thực hiện chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần do Thủ tướng Chính phủ quyết định trong từng thời kỳ. Danh mục này không bao gồm các ngành, các lĩnh vực mà pháp luật chuyên ngành quy định không thực hiện chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần.

4. Có phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

Điều 5. Hình thức chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập

1. Giữ nguyên vốn nhà nước hiện có tại đơn vị sự nghiệp công lập, phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ.

2. Bán một phần vốn nhà nước hiện có tại đơn vị sự nghiệp công lập hoặc vừa kết hợp bán một phần vốn nhà nước vừa phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ.

Điều 6. Đối tượng và điều kiện mua cổ phần

1. Nhà đầu tư trong nước

a) Nhà đầu tư trong nước là cá nhân có quốc tịch Việt Nam, tổ chức kinh tế được thành lập theo pháp luật Việt Nam, thực hiện hoạt động đầu tư, kinh doanh tại Việt Nam;

b) Nhà đầu tư trong nước được quyền mua cổ phần của đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi với số lượng không hạn chế, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này.

2. Nhà đầu tư nước ngoài

a) Nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân có quốc tịch nước ngoài, tổ chức thành lập theo pháp luật nước ngoài thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh tại Việt Nam;

b) Nhà đầu tư nước ngoài được quyền mua cổ phần của đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi theo quy định tại Nghị định này và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Nhà đầu tư nước ngoài có nhu cầu mua cổ phần phải mở tài khoản tại tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật Việt Nam về ngoại hối.

3. Nhà đầu tư chiến lược:

a) Cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 39 Nghị định này quyết định việc bán cổ phần lần đầu cho nhà đầu tư chiến lược đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc danh mục Nhà nước tiếp tục nắm giữ trên 50% vốn điều lệ theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về Danh mục ngành, lĩnh vực thực hiện chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần.

b) Nhà đầu tư chiến lược là các nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài có đủ các điều kiện sau:

- Có đủ tư cách pháp nhân theo quy định của pháp luật;

- Có kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 02 năm gần nhất tính đến thời điểm đăng ký mua cổ phần có lãi, không có lỗ lũy kế;

- Có ngành nghề kinh doanh phù hợp với lĩnh vực cung ứng dịch vụ sự nghiệp công của đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi;

- Có cam kết bằng văn bản đăng ký trở thành nhà đầu tư chiến lược của đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi bao gồm các nội dung sau:

+ Không được chuyển nhượng số cổ phần được mua trong thời hạn 03 năm kể từ ngày công ty cổ phần được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần

lần đầu hoạt động theo Luật Doanh nghiệp năm 2014 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).

+ Có phương án hỗ trợ doanh nghiệp được chuyển đổi từ đơn vị sự nghiệp công lập nâng cao năng lực tài chính, quản trị doanh nghiệp.

+ Các nghĩa vụ bồi thường khi vi phạm cam kết đã ký với mức bồi thường tổn thất theo thiệt hại thực tế và Nhà nước có quyền quyết định đối với toàn bộ số lượng cổ phần nhà đầu tư chiến lược đã mua.

c) Căn cứ vào quy mô vốn điều lệ, lĩnh vực hoạt động và yêu cầu mở rộng phát triển của đơn vị, cơ quan phê duyệt phương án chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập quyết định tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư chiến lược và tỷ lệ cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược.

d) Trình tự lựa chọn nhà đầu tư chiến lược tại đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi phải đảm bảo việc đăng ký mua cổ phần của nhà đầu tư chiến lược được thực hiện trước thời điểm công bố thông tin bán cổ phần lần đầu ra công chúng, cụ thể như sau:

- Căn cứ vào quy mô vốn điều lệ, tính chất ngành nghề kinh doanh và kế hoạch phát triển của đơn vị, Ban Chỉ đạo chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây gọi là Ban Chỉ đạo) chỉ đạo Tổ giúp việc quy định tại Điều 39 Nghị định này phối hợp cùng với đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi và tổ chức tư vấn (nếu có) xây dựng tiêu chí lựa chọn phù hợp với quy định tại điểm b, c khoản 3 Điều này, tỷ lệ cổ phần chào bán và mục tiêu chào bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược để đưa vào phương án chuyển đổi;

- Ban Chỉ đạo thẩm định phương án bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược, báo cáo cơ quan phê duyệt phương án chuyển đổi quy định tại Điều 39 Nghị định này;

- Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án chuyển đổi, đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi thực hiện công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng (bằng cả tiếng Anh và tiếng Việt) các nội dung liên quan đến việc chào bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược của đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi, gồm: Thông tin giới thiệu về đơn vị sự

nghiệp công lập chuyển đổi; mục đích lựa chọn nhà đầu tư chiến lược; tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư chiến lược; tỷ lệ chào bán cổ phần cho các nhà đầu tư chiến lược; các quyền lợi và nghĩa vụ khi trở thành nhà đầu tư chiến lược; hồ sơ đăng ký làm nhà đầu tư chiến lược; thời gian, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký. Bộ Tài chính hướng dẫn nội dung Quyết định phê duyệt phương án chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập và Bản Công bố thông tin về đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi thành công ty cổ phần;

- Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày đăng thông báo, đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi thực hiện rà soát hồ sơ đăng ký làm nhà đầu tư chiến lược và tổng hợp danh sách các nhà đầu tư chiến lược đủ điều kiện tham gia mua cổ phần trình Ban Chỉ đạo báo cáo cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 39 Nghị định.

Việc lựa chọn các nhà đầu tư chiến lược đủ điều kiện tham gia mua cổ phần phải được thực hiện trước khi tổ chức bán đấu giá cổ phần công khai ra công chúng;

- Trên cơ sở danh sách các nhà đầu tư chiến lược đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, Ban Chỉ đạo xây dựng phương án bán và tổ chức bán đấu giá cổ phần cho các nhà đầu tư chiến lược;

- Căn cứ vào kết quả tổng hợp bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược, đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi tổng hợp báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, ký hợp đồng cam kết chính thức với các nhà đầu tư chiến lược trúng đấu giá và chuyển tiền thu từ bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược theo quy định tại Điều 34 Nghị định này.

đ) Trường hợp chỉ có 01 nhà đầu tư chiến lược đáp ứng tiêu chí khi đăng ký mua cổ phần và khối lượng đăng ký mua nhỏ hơn hoặc bằng số cổ phần dự kiến bán cho nhà đầu tư chiến lược theo phương án chuyển đổi đã được duyệt, Ban Chỉ đạo báo cáo cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 39 Nghị định này quyết định thực hiện bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược theo phương thức thỏa thuận trực tiếp với giá bán không thấp hơn giá đấu thành công bình quân theo kết quả của cuộc đấu giá công khai ra công chúng; trường hợp đấu giá công khai không thành công thì giá bán cho nhà đầu tư chiến lược được xác định theo giá khởi điểm.

e) Trường hợp có từ 02 nhà đầu tư chiến lược đáp ứng tiêu chí lựa chọn thực hiện đăng ký mua cổ phần và tổng số cổ phần các nhà đầu tư chiến lược đăng ký mua lớn hơn số cổ phần dự kiến bán cho nhà đầu tư chiến lược theo phương án chuyển đổi đã được duyệt, Ban Chỉ đạo báo cáo cơ quan có thẩm quyền quyết định tổ chức thực hiện đấu giá giữa các nhà đầu tư chiến lược với nhau trên Sở giao dịch chứng khoán.

Việc tổ chức bán đấu giá giữa các nhà đầu tư chiến lược được thực hiện sau khi bán đấu giá công khai ra công chúng với giá khởi điểm là giá đấu thành công bình quân theo kết quả của cuộc đấu giá công khai ra công chúng (Trường hợp đấu giá công khai không thành công thì giá khởi điểm để tổ chức bán đấu giá cho nhà đầu tư chiến lược được xác định theo giá khởi điểm quy định tại khoản 9 Điều 3 Nghị định này) và đảm bảo nguyên tắc lựa chọn nhà đầu tư có giá đặt mua từ cao xuống thấp cho đủ số lượng cổ phần bán ra.

g) Trường hợp có từ 02 nhà đầu tư chiến lược đáp ứng tiêu chí khi đăng ký mua cổ phần và tổng số cổ phần các nhà đầu tư chiến lược đăng ký mua bằng hoặc nhỏ hơn số cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược theo phương án chuyển đổi đã được duyệt, Ban Chỉ đạo tiến hành thỏa thuận về số cổ phần bán ra và giá bán cổ phần cho từng nhà đầu tư chiến lược theo giá bán không thấp hơn giá đấu thành công bình quân theo kết quả của cuộc đấu giá công khai ra công chúng, trường hợp đấu giá công khai không thành công thì giá bán cho nhà đầu tư chiến lược được xác định theo giá khởi điểm.

h) Trường hợp nhà đầu tư chiến lược không thực hiện đúng cam kết thì phải bồi thường mọi tổn thất xảy ra theo đúng hợp đồng cam kết và quy định của pháp luật hiện hành.

h) Nhà đầu tư chiến lược phải đặt cọc, ký quỹ bằng tiền hoặc có bảo lãnh của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam. Mức đặt cọc, ký quỹ bằng 20% giá trị cổ phần đăng ký mua theo giá khởi điểm.

Trường hợp từ bỏ quyền mua, nhà đầu tư chiến lược không được nhận lại tiền đặt cọc hoặc bị phạt số tiền tương đương khoản giá trị đặt cọc trong trường hợp ký quỹ, bảo lãnh.

i) Việc tổ chức bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược phải hoàn thành trước thời điểm Đại hội đồng cổ đông lần đầu để chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần.

Số cổ phần còn lại (chênh lệch giữa số cổ phần thực tế bán cho nhà đầu tư chiến lược với tổng số cổ phần đăng ký mua của các nhà đầu tư chiến lược theo phương án chuyển đổi được duyệt), Ban Chỉ đạo báo cáo cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 39 Nghị định này quyết định điều chỉnh vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ trước khi tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần đầu.

4. Các tổ chức, cá nhân không được mua cổ phần phát hành lần đầu của đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi bao gồm:

a) Thành viên Ban Chỉ đạo, Tổ giúp việc chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần (trừ các thành viên là đại diện của đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi);

b) Các tổ chức tài chính trung gian và các cá nhân thuộc tổ chức này tham gia vào việc thực hiện tư vấn chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần, đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính và cơ quan kiểm toán xác định giá trị đơn vị sự nghiệp công lập (trừ các tổ chức bảo lãnh phát hành mua số cổ phần chưa phân phối hết theo hợp đồng bảo lãnh);

c) Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần và các cá nhân thuộc tổ chức này có liên quan đến cuộc đấu giá;

d) Người có liên quan tổ chức và cá nhân quy định tại điểm a, điểm b và điểm c khoản này theo quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp năm 2014 hoặc văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).

Điều 7. Đồng tiền thanh toán và phương thức bán cổ phần lần đầu

1. Các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài mua cổ phần của đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi bằng đồng Việt Nam.

2. Việc bán cổ phần lần đầu được thực hiện theo các phương thức sau:

a) Đấu giá công khai

- Phương thức đấu giá được áp dụng trong trường hợp bán đấu giá ra công chúng mà không có sự phân biệt nhà đầu tư là tổ chức, cá nhân, trong nước và nước ngoài;

- Việc tổ chức đấu giá công khai thực hiện tại Sở Giao dịch chứng khoán. Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi có khối lượng cổ phần bán ra có mệnh giá dưới 10 tỷ đồng thì cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Điều 39 có thể xem xét, quyết định tổ chức đấu giá tại các công ty chứng khoán hoặc trung tâm dịch vụ, doanh nghiệp đấu giá tài sản theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản (trừ trường hợp quy định về bán đấu giá cho nhà đầu tư chiến lược quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị định này);

- Thông tin về đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi và việc tổ chức đấu giá phải được công bố tại nơi bán đấu giá, trên các phương tiện thông tin đại chúng và công bố công khai trên Cổng Thông tin điện tử Chính phủ tối thiểu 20 ngày làm việc trước khi tổ chức bán đấu giá cổ phần;

- Giá bán theo phương thức đấu giá công khai là giá đấu thành công của từng nhà đầu tư. Nhà đầu tư trúng ở mức giá nào thì mua cổ phần ở mức giá đó nhưng không thấp hơn giá khởi điểm.

b) Phương thức bảo lãnh phát hành

- Phương thức bảo lãnh phát hành là phương thức phát hành cổ phần với sự cam kết đảm bảo của tổ chức có chức năng bảo lãnh về việc thực hiện phân phối hết số lượng cổ phần bán ra bên ngoài đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Trường hợp bảo lãnh phát hành cho các nhà đầu tư nước ngoài phải bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật về quyền mua, góp vốn của nhà đầu tư nước ngoài tại doanh nghiệp Việt Nam.

Trường hợp không bán hết cổ phần, các tổ chức bảo lãnh phát hành có trách nhiệm mua hết số cổ phần còn lại theo giá bảo lãnh đã cam kết trong Hợp đồng bảo lãnh theo nguyên tắc không thấp hơn giá khởi điểm.

- Nghĩa vụ và quyền hạn của tổ chức bảo lãnh thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán và Hợp đồng bảo lãnh phát hành cổ phiếu được ký kết giữa tổ chức bảo lãnh với đại diện có thẩm quyền của đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi.

c) Phương thức thỏa thuận trực tiếp

- Phương thức thỏa thuận trực tiếp là phương thức bán cổ phần cho các nhà đầu tư theo kết quả thương thảo giữa Ban Chỉ đạo hoặc tổ chức được Ban Chỉ đạo ủy quyền với từng nhà đầu tư.

- Phương thức thỏa thuận trực tiếp chỉ được thực hiện:

+ Bán cho nhà đầu tư chiến lược trong các trường hợp: Các nhà đầu tư chiến lược đăng ký mua cổ phần với số lượng bằng hoặc nhỏ hơn số lượng cổ phần dự kiến bán cho nhà đầu tư chiến lược theo phương án chuyển đổi đã được phê duyệt, hoặc chỉ có một nhà đầu tư chiến lược đăng ký mua cổ phần.

+ Bán cho các nhà đầu tư số cổ phần không bán hết theo quy định tại Điều 32 Nghị định này.

+ Bán cho người lao động và tổ chức công đoàn.

3. Tùy theo đối tượng và điều kiện mua cổ phần lần đầu, cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 39 Nghị định này xác định phương thức bán cổ phần theo quy định tại khoản 2 Điều này cho phù hợp.

4. Bộ Tài chính hướng dẫn khoản 2, khoản 3 Điều này.

Điều 8. Chi phí thực hiện chuyển đổi và thẩm quyền phê duyệt

1. Thẩm quyền phê duyệt dự toán và quyết toán chi phí chuyển đổi:

a) Bộ trưởng các bộ, người đứng đầu cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ phê duyệt dự toán và quyết toán chi phí chuyển đổi đối với:

- Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;

- Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc đơn vị thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;

- Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;

- Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc đơn vị sự nghiệp công lập thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ.

b) Chủ tịch UBND cấp tỉnh phê duyệt dự toán và quyết toán chi phí chuyển đổi đối với:

- Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND cấp tỉnh;

- Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc UBND cấp tỉnh;

- Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thuộc UBND cấp tỉnh;

- Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND cấp tỉnh;

- Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND cấp huyện;

c) Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội phê duyệt dự toán và quyết toán chi phí chuyển đổi đối với đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội; Giám đốc Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt dự toán và quyết toán chi phí chuyển đổi đối với đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.

d) Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định mức chi cụ thể theo các nội dung chi đã được phê duyệt và chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định của mình. Các khoản chi phí chuyển đổi phải đảm bảo có đầy đủ chứng từ hợp lý, hợp lệ, tiết kiệm theo quy định hiện hành.

2. Chi phí thực hiện chuyển đổi bao gồm:

a) Các khoản chi phí trực tiếp tại đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi:

- Chi phí cho việc tập huấn nghiệp vụ về chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần;

- Chi phí kiểm kê, xác định giá trị tài sản;

- Chi phí lập phương án chuyển đổi, xây dựng Điều lệ;

- Chi phí Hội nghị người lao động để triển khai chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập;

- Chi phí hoạt động tuyên truyền, công bố thông tin về đơn vị sự nghiệp công lập;

- Chi phí thuê kiểm toán báo cáo tài chính tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần;

- Chi phí cho việc tổ chức bán cổ phần;

- Chi phí tổ chức họp Đại hội cổ đông lần đầu.

b) Tiền thuê tổ chức kiểm toán, tư vấn chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần (tổ chức tư vấn để xác định giá trị đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức tư vấn để xác định giá khởi điểm, tổ chức tư vấn để xây dựng phương án chuyển đổi, tổ chức tư vấn bán cổ phần) do Bộ trưởng, người đứng đầu cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch UBND cấp tỉnh hoặc Ban Chỉ đạo (nếu được ủy quyền) quyết định. Việc thanh toán chi phí cho các tổ chức tư vấn căn cứ vào Hợp đồng ký kết giữa các bên liên quan.

c) Thù lao cho Ban Chỉ đạo và Tổ giúp việc:

- Mức thù lao hàng tháng cho từng thành viên Ban Chỉ đạo và Tổ giúp việc tối đa không quá hai lần mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang do Chính phủ ban hành trong từng thời kỳ. Trường hợp Nhà nước thay đổi chính sách về tiền lương cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang theo hướng không còn quy định về mức lương cơ sở thì thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

- Thời gian thanh toán thù lao cho từng thành viên Ban Chỉ đạo và Tổ giúp việc theo thực tế nhưng không quá 24 tháng kể từ thời điểm thành lập Ban Chỉ đạo và Tổ giúp việc.

d) Các chi phí khác có liên quan đến chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần.

3. Chi phí thuê kiểm toán báo cáo tài chính tại thời điểm xác định giá trị không xác định là chi phí chuyển đổi, đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi được tính vào chi phí hoạt động trong kỳ của đơn vị.

4. Chi phí chuyển đổi đơn vị sự nghiệp thành công ty cổ phần được lấy từ nguồn tiền thu từ bán cổ phần.

5. Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập dừng thực hiện chuyển thành công ty cổ phần theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền thì chi phí chuyển đổi đã thực hiện được tính vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ của đơn vị sự nghiệp công lập tại thời điểm quyết định dừng chuyển đổi. Trường hợp việc tính chi phí này vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ dẫn tới kết quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập bị thâm hụt thì phần thiếu được bù đắp từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập. Trường hợp số dư Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp không đủ bù đắp thì được tính vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ của năm tiếp theo.

Điều 9. Quyền và nghĩa vụ của đơn vị sự nghiệp công lập sau khi chuyển thành công ty cổ phần

1. Sau khi chuyển thành công ty cổ phần, đơn vị hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, các Luật chuyên ngành và các quy định của pháp luật hiện hành.

2. Đơn vị sự nghiệp công lập sau khi chuyển thành công ty cổ phần có nghĩa vụ tiếp tục thực hiện việc cung cấp các loại dịch vụ sự nghiệp công trong thời gian tối thiểu 05 năm kể từ thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

3. Đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi có trách nhiệm sắp xếp, sử dụng tối đa người quản lý và người lao động của đơn vị sự nghiệp công lập tại thời điểm quyết định chuyển đổi và giải quyết chế độ cho người lao động nghỉ việc, thôi việc theo quy định của pháp luật.

Công ty cổ phần có nghĩa vụ kế thừa mọi trách nhiệm đối với người lao động từ đơn vị sự nghiệp công lập chuyển sang; có quyền tuyển chọn, bố trí sử dụng lao động và phối hợp với các cơ quan liên quan giải quyết chế độ cho người lao động theo quy định của pháp luật.

4. Đơn vị sự nghiệp công lập sau khi chuyển thành công ty cổ phần được sử dụng toàn bộ tài sản, nguồn vốn đã nhận bàn giao để tổ chức hoạt động có hiệu quả; kế thừa toàn bộ các quyền và lợi ích hợp pháp, chịu trách nhiệm về các khoản nợ (gồm cả nợ thuế, nợ vay lại vốn vay ODA), hợp đồng lao động và các nghĩa vụ khác của đơn vị sự nghiệp công lập.

5. Đơn vị sự nghiệp công lập có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan có liên quan kiểm tra, xử lý những vấn đề về tài chính để xác định giá trị phần vốn nhà nước của đơn vị tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

6. Tài sản thừa hoặc thiếu phát hiện sau khi đơn vị sự nghiệp công lập chuyển thành công ty cổ phần so với giá trị đơn vị sự nghiệp công lập đã công bố được xử lý như sau:

a) Đối với tài sản thừa:

- Xử lý tăng vốn nhà nước tại công ty cổ phần đối với trường hợp công ty cổ phần có nhu cầu sử dụng và được Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thông qua; đồng thời thực hiện điều chỉnh quy mô vốn điều lệ và tỷ lệ vốn nhà nước tại công ty cổ phần;

- Trường hợp công ty cổ phần không có nhu cầu sử dụng: Thực hiện bàn giao tài sản cho bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND cấp tỉnh, Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh để xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý sử dụng tài sản công. Đối với công ty cổ phần chuyển đổi từ đơn vị sự nghiệp công lập thuộc doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thì thực hiện bàn giao các tài sản này cho doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ để quản lý, xử lý theo quy định.

b) Đối với tài sản thiếu sau khi trừ khoản bồi thường của tổ chức, cá nhân (nếu có) được xử lý như sau:

Công ty cổ phần thực hiện giảm vốn nhà nước tại công ty cổ phần nếu có Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thông qua hoặc hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh của công ty cổ phần trong trường hợp Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông không thông qua việc giảm vốn nhà nước tại công ty cổ phần.

Chương II
XỬ LÝ TÀI CHÍNH KHI CHUYỂN ĐỔI ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP

Điều 10. Kiểm kê, phân loại tài sản và xử lý tồn tại về tài chính

1. Trong thời gian 30 ngày kể từ ngày nhận được quyết định thực hiện chuyển đổi của cơ quan có thẩm quyền, đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi có trách nhiệm:

a) Tổ chức kiểm kê, phân loại tài sản, nguồn vốn và các quỹ đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi đang quản lý, sử dụng, trong đó nêu rõ: Tài sản công tính vào thành phần vốn nhà nước tại đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi; tài sản công giao cho doanh nghiệp được chuyển đổi từ đơn vị sự nghiệp công lập quản lý không tính vào phần vốn nhà nước tại đơn vị sự nghiệp công lập; tài sản không tiếp tục sử dụng để bàn giao cho cơ quan quản lý tài sản công xử lý.

Đối với một số tài sản chuyên ngành của các đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi mà việc tiếp cận tài sản để kiểm kê và đánh giá hiện trạng thực tế của tài sản không đảm bảo tính khả thi và hiệu quả: Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND cấp tỉnh, Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh chỉ đạo đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi lập phương án kiểm kê và đánh giá hiện trạng thực tế của tài sản này để gửi lấy ý kiến của cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành, kỹ thuật có liên quan, trên cơ sở đó quyết định phương án kiểm kê phù hợp và chịu trách nhiệm về kết quả kiểm kê;

b) Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND cấp tỉnh, Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh thực hiện bàn giao cho đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi tài sản, các quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm gắn với nhiệm vụ cung ứng dịch vụ sự nghiệp công của đơn vị sau chuyển đổi (trong trường hợp chưa bàn giao);

c) Đối chiếu và xác nhận công nợ tại thời điểm xác định giá trị đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi;

d) Lập bảng kê xác định chủng loại, số lượng, chất lượng và giá trị của tài sản hiện có của đơn vị (trong đó bao gồm bảng kê tài sản không cần dùng, ứ đọng, chờ thanh lý), xác định tài sản thừa thiếu so với số kế toán, phân tích rõ nguyên nhân thừa thiếu và trách nhiệm của tập thể cá nhân có liên quan theo quy định của pháp luật.

2. Toàn bộ tài sản tại đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi đều phải được xác định giá trị, trừ các tài sản sau đây:

a) Tài sản đơn vị thuê, mượn, nhận giữ hộ, nhận gia công, nhận đại lý, nhận ký gửi, nhận góp vốn, liên doanh, liên kết của các tổ chức, cá nhân khác và tài sản khác không phải là của đơn vị;

b) Tài sản không cần dùng, tài sản tồn đọng, tài sản chờ thanh lý;

c) Cơ sở nhà, đất và các tài sản công khác không được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt phương án giữ lại tiếp tục sử dụng và được bàn giao cho cơ quan quản lý tài sản công có thẩm quyền xử lý.

d) Tài sản công không được đưa vào giá trị đơn vị sự nghiệp công lập.

3. Thông tin về các dự án, chương trình, đề tài khoa học công nghệ đang được triển khai của đơn vị sự nghiệp công lập và hướng xử lý đối với tài sản hình thành từ các chương trình, dự án, đề tài này phải được công bố cụ thể tại Bản Công bố thông tin bán đấu giá cổ phần lần đầu của đơn vị sự nghiệp công lập.

4. Khi chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập cấp trên, các đơn vị sự nghiệp cấp dưới phải thực hiện xác định giá trị theo quy định tại Nghị định này, doanh nghiệp do đơn vị sự nghiệp công lập sở hữu 100% vốn điều lệ phải thực hiện xác định giá trị theo quy định về chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần. Thời điểm xác định giá trị đơn vị sự nghiệp cấp dưới và thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp do đơn vị sự nghiệp công lập sở hữu 100% vốn điều lệ phải trùng với thời điểm xác định giá trị đơn vị sự nghiệp cấp trên được chuyển đổi.

Giá trị đơn vị sự nghiệp công lập cấp dưới và giá trị doanh nghiệp do đơn vị sự nghiệp công lập sở hữu 100% vốn điều lệ đã xác định lại được tính vào giá trị của đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi.

5. Trước khi xác định giá trị để chuyển đổi, đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện:

a) Lập báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán theo quy định của chế độ kế toán đơn vị sự nghiệp công lập và thực hiện kiểm toán tại thời điểm xác định giá trị đơn vị theo chế độ Nhà nước quy định đối với đơn vị sự nghiệp công lập, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

b) Có văn bản đề nghị bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND cấp tỉnh, Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh,

doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thực hiện quyết toán hoặc kiểm tra, xác định các khoản kinh phí được cấp;

c) Có văn bản đề nghị cơ quan thuế thực hiện quyết toán hoặc kiểm tra, xác định các khoản phải nộp ngân sách nhà nước theo quy định.

Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi, bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND cấp tỉnh, Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh và cơ quan thuế phải tiến hành kiểm tra, quyết toán theo quy định của pháp luật về thuế, ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan. Nếu quá thời hạn này, các cơ quan chưa tiến hành kiểm tra, quyết toán thì đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi căn cứ vào số liệu đã báo cáo để thực hiện xác định giá trị theo quy định.

6. Trên cơ sở kết quả kiểm kê, kiểm toán báo cáo tài chính, quyết toán các khoản kinh phí, đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan liên quan xử lý theo thẩm quyền những tồn tại trước khi xác định giá trị đơn vị sự nghiệp công lập. Trường hợp có vướng mắc vượt thẩm quyền thì đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi phải kịp thời báo cáo với cơ quan có thẩm quyền để xem xét, giải quyết. Trường hợp đã báo cáo với các cơ quan có thẩm quyền nhưng chưa được giải quyết thì đơn vị phải ghi rõ những tồn tại này trong Biên bản xác định giá trị đơn vị chuyển đổi để có căn cứ tiếp tục giải quyết trong giai đoạn từ khi xác định giá trị đơn vị đến thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

7. Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể nội dung quy định tại Điều này.

Điều 11. Xử lý về đất đai

1. Trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định công bố giá trị đơn vị sự nghiệp công lập, phương án sử dụng đất của đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi phải được phê duyệt theo quy định của pháp luật về đất đai.

2. Đơn vị sự nghiệp công lập phải xây dựng phương án sử dụng đất phù hợp với:

- Phương án sắp xếp, xử lý nhà đất đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

- Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt và công bố;

- Lĩnh vực hoạt động cung cấp dịch vụ sự nghiệp công của đơn vị.

Bộ Tài Nguyên và Môi trường hướng dẫn về phương án sử dụng đất đối với đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần.

UBND cấp tỉnh có trách nhiệm giám sát việc sử dụng đất sau chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp công lập. Trường hợp sau khi chuyển đổi, công ty cổ phần không còn nhu cầu sử dụng đất đúng mục đích khi chuyển đổi thì xử lý theo quy định của pháp luật về đất đai.

3. Về hình thức sử dụng đất của đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi:

- Đối với diện tích đất đơn vị sự nghiệp công lập đang thực hiện thuê đất trả tiền hàng năm thì tiếp tục được thực hiện thuê đất trả tiền hàng năm;

- Đối với diện tích đất đã được Nhà nước cho thuê đất trả tiền một lần, đất được Nhà nước giao không thu tiền sử dụng đất hoặc có thu tiền sử dụng đất, đất do đơn vị sự nghiệp công lập nhận chuyển nhượng thì đơn vị sự nghiệp công lập chuyển sang hình thức thuê đất trả tiền hàng năm.

Số tiền đơn vị sự nghiệp công lập đã nộp hoặc đã trả để thuê đất trả tiền một lần hoặc giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất chưa hạch toán vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh tính đến thời điểm xác định giá trị đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi thì được xác định là khoản đã trả trước và được trừ vào tiền thuê đất mà công ty cổ phần được chuyển đổi từ đơn vị sự nghiệp công lập phải trả hàng năm theo giá đất cụ thể do UBND cấp tỉnh quyết định.

Điều 12. Xử lý tài sản thừa thiếu, tài sản không cần dùng, ứ đọng, chờ thanh lý, tài sản thuê, mượn, nhận giữ hộ, nhận đại lý, nhận ký gửi, nhận góp vốn liên doanh, liên kết, tài sản kết cấu hạ tầng

1. Đối với tài sản thừa, thiếu phát hiện qua kiểm kê, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày hoàn thành việc kiểm kê, phân loại tài sản, đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi phải phân tích làm rõ nguyên nhân và xử lý như sau:

- Đối với tài sản thiếu, phải xác định trách nhiệm của tổ chức, cá nhân để xử lý, bồi thường vật chất theo quy định hiện hành. Trường hợp tài sản thiếu được xác

định do nguyên nhân khách quan (thiên tai, hỏa hoạn và các nguyên nhân bất khả kháng khác), đơn vị báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền quyết định ghi giảm tài sản theo quy định của pháp luật. Số tiền bồi thường cho tài sản thiếu phát hiện qua kiểm kê (nếu có) được bổ sung Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập;

- Đối với tài sản thừa, nếu không xác định được nguyên nhân hoặc không tìm được chủ sở hữu thì ghi tăng tài sản, đưa vào phần tài sản xác định giá trị và tăng phần vốn nhà nước tại đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi.

2. Đối với những tài sản không cần dùng, ứ đọng, chờ thanh lý, đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi có trách nhiệm xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành. Đến thời điểm xác định giá trị, các tài sản chưa xử lý, đơn vị có trách nhiệm tiếp tục bảo quản và báo cáo cơ quan có thẩm quyền quyết định xử lý và giao nhiệm vụ tổ chức xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

Đối với những tài sản không cần dùng, ứ đọng, chờ thanh lý của đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi thuộc doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, đơn vị sự nghiệp công lập chuyển giao các tài sản này cho Công ty mẹ để tiếp tục quản lý và thực hiện thanh lý, nhượng bán theo quy định.

Đối với phần diện tích nhà, đất không được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt phương án giữ lại tiếp tục sử dụng mà chưa hoàn thành việc thực hiện phương án sắp xếp lại, xử lý, Bộ trưởng, người đứng đầu cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch UBND cấp tỉnh, Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội, Giám đốc Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh quyết định giao nhiệm vụ xử lý cho cơ quan thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

3. Đối với tài sản do đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi thuê, mượn, nhận giữ hộ, nhận đại lý, nhận ký gửi, nhận góp vốn liên doanh, liên kết của các tổ chức, cá nhân khác, tài sản kết cấu hạ tầng thì không tính vào thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp và các tài sản khác không phải của đơn vị thì không tính vào giá trị đơn vị để chuyển đổi.

4. Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể nội dung quy định tại Điều này.

Điều 13. Xử lý tài sản là chi phí xây dựng cơ bản dở dang của các dự án của đơn vị sự nghiệp công lập, tài sản hình thành từ nguồn Quỹ phúc lợi, Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp

1. Đối với các tài sản là chi phí xây dựng cơ bản dở dang của các dự án đang thực hiện, công trình bị đình hoãn theo quyết định của cấp có thẩm quyền, đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi có trách nhiệm tiếp tục kế thừa, theo dõi và xử lý theo quy định của pháp luật. Riêng các khoản chi phí của các dự án không được cấp có thẩm quyền phê duyệt và chưa hình thành hiện vật, không có giá trị thu hồi như: chi phí lập phương án tiền khả thi, chi phí khảo sát, thiết kế công trình… thì đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi phải xác định nguyên nhân, trách nhiệm bồi hoàn theo quy định của pháp luật hiện hành, phần tổn thất được xử lý vào kết quả hoạt động theo quy định.

2. Đối với công trình phúc lợi là nhà trẻ, nhà mẫu giáo, bệnh xá và các tài sản phúc lợi khác đầu tư bằng nguồn Quỹ phúc lợi thì chuyển giao cho tổ chức công đoàn tại công ty cổ phần quản lý, sử dụng để phục vụ tập thể người lao động trong công ty cổ phần theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật có liên quan khác. Trường hợp tổ chức công đoàn và tập thể người lao động trong công ty cổ phần không có nhu cầu sử dụng các tài sản này thì được ủy quyền cho công ty cổ phần tổ chức thanh lý, nhượng bán theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật có liên quan. Nguồn thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản sau khi trừ các chi phí có liên quan và nghĩa vụ thuế (nếu có) hoàn trả cho Quỹ phúc lợi. Đối với nhà ở cán bộ, viên chức, người lao động của đơn vị sự nghiệp công lập đầu tư bằng nguồn Quỹ phúc lợi của đơn vị sự nghiệp công lập, kể cả nhà ở được đầu tư bằng vốn ngân sách nhà nước cấp thì chuyển giao cho cơ quan quản lý nhà đất của địa phương để quản lý.

3. Tài sản dùng trong sản xuất, kinh doanh được đầu tư bằng nguồn Quỹ phúc lợi của đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi nếu có đầy đủ hồ sơ chứng từ phải được đánh giá lại và tính vào giá trị đơn vị để công ty cổ phần tiếp tục sử dụng trong sản xuất, kinh doanh.

4. Tài sản được đầu tư từ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp được tính vào giá trị phần vốn nhà nước khi xác định giá trị đơn vị sự nghiệp công lập.

5. Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể nội dung quy định tại Điều này.

Điều 14. Xử lý số dư bằng tiền của Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi, Quỹ bổ sung thu nhập, Quỹ dự phòng ổn định thu nhập và các quỹ khác theo quy định của pháp luật

1. Số dư bằng tiền của Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi tại thời điểm xác định giá trị đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi được sử dụng để bù đắp các khoản đã chi vượt chế độ cho người lao động (nếu có), chi cho người lao động theo chế độ quy định đối với đơn vị sự nghiệp công lập, phần còn lại chia cho người lao động đang làm việc theo số tháng làm việc tại đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi (Trường hợp chưa tròn tháng và có ngày lẻ thì số ngày lẻ từ 15 ngày trở lên được tính tròn 1 tháng, dưới 15 ngày không được tính). Việc chi số dư bằng tiền của các Quỹ cho người lao động được hoàn thành trước thời điểm đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi thành công ty cổ phần.

2. Số dư bằng tiền của Quỹ bổ sung thu nhập/Quỹ dự phòng ổn định thu nhập được chia cho người lao động đang làm việc theo Quy chế quản lý Quỹ của đơn vị sự nghiệp công lập tối đa không quá 6 tháng lương thực hiện, phần còn lại được tính vào giá trị phần vốn nhà nước khi xác định giá trị đơn vị sự nghiệp công lập.

3. Số dư bằng tiền của Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp tại thời điểm xác định giá trị đơn vị sự nghiệp công lập được tính vào giá trị phần vốn nhà nước của đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi.

4. Số dư các Quỹ đặc thù và Quỹ khác theo quy định của pháp luật

- Đối với phần kinh phí của Quỹ không hình thành từ nguồn kinh phí ngân sách nhà nước hoặc chênh lệch thu chi của đơn vị sự nghiệp công lập thì được chuyển giao cho doanh nghiệp chuyển đổi từ đơn vị sự nghiệp công lập tiếp tục quản lý, sử dụng đúng mục đích của việc huy động và công khai tại đơn vị về việc huy động, sử dụng Quỹ;

- Đối với phần kinh phí của Quỹ được hình thành từ nguồn ngân sách nhà nước cấp hoặc chênh lệch thu chi của đơn vị sự nghiệp công lập thì được tính vào giá trị phần vốn nhà nước tại đơn vị sự nghiệp công lập;

- Trường hợp không tách được nguồn kinh phí hình thành Quỹ thì số dư Quỹ đặc thù và Quỹ khác được tính vào giá trị phần vốn nhà nước của đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi.

5. Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể nội dung quy định tại Điều này.

Điều 15. Xử lý các khoản nợ phải thu

1. Đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi có trách nhiệm đối chiếu, xác nhận toàn bộ các khoản nợ phải thu (bao gồm các khoản nợ đến hạn, nợ chưa đến hạn, nợ đã quá hạn thanh toán), đồng thời thực hiện thu hồi các khoản nợ đến hạn trước khi xác định giá trị đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi.

Những khoản nợ không có đủ căn cứ để xác định là khoản nợ phải thu không có khả năng thu hồi theo quy định thì không được loại trừ ra ngoài giá trị đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị sự nghiệp công lập phải làm rõ nguyên nhân để xử lý theo nguyên tắc sau:

a) Xác định trách nhiệm xử lý bồi thường của tập thể, cá nhân có liên quan đến khoản nợ phải thu không xác định được khách nợ, phần tổn thất còn lại được xử lý theo quy định của Nhà nước về xử lý nợ tồn đọng đối với đơn vị sự nghiệp công lập;

b) Hoàn thiện hồ sơ, tiếp tục theo dõi để xử lý thu hồi đối với những khoản nợ không chứng minh được là không có khả năng thu hồi.

2. Trường hợp đến thời điểm xác định giá trị đơn vị sự nghiệp công lập mà vẫn còn một số khoản nợ phải thu có đầy đủ hồ sơ nhưng chưa được đối chiếu, xác nhận thì người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập phải giải trình rõ nội dung các khoản nợ, xác định rõ trách nhiệm tập thể, cá nhân liên quan; phải hoàn tất việc đối chiếu công nợ trước thời điểm đơn vị được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần lần đầu và báo cáo bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND cấp tỉnh, Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, theo giá trị đang theo dõi trên sổ sách kế toán; đồng thời phải công bố công khai trong quyết định phê duyệt giá trị đơn vị cũng như phương án chuyển đổi làm cơ sở bán đấu giá cổ phần.

3. Đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi có trách nhiệm bàn giao các khoản công nợ không tính vào giá trị đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi kèm theo đầy đủ hồ sơ, các tài liệu liên quan cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Mua bán nợ Việt Nam để xử lý theo quy định của pháp luật. Riêng đối với đơn vị sự nghiệp công lập thuộc doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thì thực hiện bàn giao các khoản công nợ không tính vào giá trị đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi kèm theo đầy đủ hồ sơ, các tài liệu liên quan cho công ty mẹ để xử lý.

4. Đối với hoạt động cung cấp hàng hóa, dịch vụ (như tiền thuê nhà, tiền thuê đất, tiền mua hàng, tiền công phải trả…) mà đơn vị sự nghiệp công lập đã thanh toán và hạch toán vào chi phí nhưng đến thời điểm xác định giá trị chưa hoàn thành: Đơn vị sự nghiệp công lập đối chiếu với hợp đồng, khối lượng hàng hóa dịch vụ cung cấp để hạch toán giảm chi phí và hạch toán tăng chi phí trả trước khi xác định giá trị đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi (tương ứng với phần hàng hóa, dịch vụ chưa được cung cấp hoặc thời gian thuê chưa thực hiện).

5. Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể nội dung quy định tại Điều này.

Điều 16. Xử lý các khoản nợ phải trả

1. Đơn vị sự nghiệp công lập có trách nhiệm đối chiếu, xác nhận toàn bộ các khoản nợ phải trả các tổ chức, cá nhân (bao gồm các khoản nợ đến hạn và chưa đến hạn) trước khi xác định giá trị đơn vị sự nghiệp công lập.

Trường hợp đến thời điểm xác định giá trị đơn vị sự nghiệp công lập mà vẫn còn một số khoản nợ phải trả có đầy đủ hồ sơ nhưng chưa được đối chiếu, xác nhận thì người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi phải giải trình rõ nội dung các khoản nợ, xác định rõ trách nhiệm tập thể, cá nhân liên quan; phải hoàn tất việc đối chiếu công nợ trước thời điểm đơn vị được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần lần đầu và báo cáo bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND cấp tỉnh, Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh xem xét, quyết định theo giá trị đang theo dõi trên sổ sách kế toán; đồng thời phải công bố công khai trong quyết định phê duyệt giá trị đơn vị cũng như phương án chuyển đổi làm cơ sở bán đấu giá cổ phần.

2. Đơn vị sự nghiệp công lập phải huy động các nguồn vốn hợp pháp để thanh toán các khoản nợ đến hạn phải trả trước khi xác định giá trị đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi hoặc thỏa thuận bằng văn bản với các chủ nợ để xử lý trong đó có việc chuyển nợ phải trả thành vốn góp cổ phần.

Việc chuyển nợ phải trả tại thời điểm xác định giá trị đơn vị sự nghiệp thành vốn góp cổ phần phải được quy định trong phương án chuyển đổi, công khai trong bản cáo bạch bán cổ phần lần đầu và được thực hiện thông qua kết quả đấu giá thành công của chủ nợ. Theo đó chủ nợ tham gia mua cổ phần tại cuộc bán đấu giá công khai cổ phần lần đầu ra công chúng và quy đổi số lượng cổ phần tương ứng với số nợ theo kết quả đấu giá thành công của chủ nợ.

3. Nợ thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước:

a) Đơn vị sự nghiệp công lập có trách nhiệm nộp thuế và các khoản nợ ngân sách nhà nước trước khi chuyển đổi;

b) Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi chưa hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước thì công ty cổ phần có trách nhiệm kế thừa toàn bộ các khoản nợ.

4. Trong quá trình thực hiện chuyển đổi, nếu đơn vị sự nghiệp công lập có khó khăn về khả năng thanh toán các khoản nợ vay quá hạn của các tổ chức tín dụng (bao gồm cả Ngân hàng Phát triển Việt Nam) thì xử lý nợ theo quy định hiện hành của Nhà nước và pháp luật hiện hành có liên quan về xử lý nợ của tổ chức tín dụng.

5. Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể nội dung quy định tại Điều này.

Điều 17. Xử lý các khoản đầu tư tài chính

1. Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi kế thừa các khoản đầu tư tài chính thì toàn bộ số vốn này được xác định theo nguyên tắc quy định tại Điều 26 Nghị định này.

2. Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi không kế thừa các khoản đầu tư tài chính thì báo cáo bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND cấp tỉnh, Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh để xử lý như sau:

a) Chuyển giao khoản đầu tư tài chính cho đơn vị khác;

b) Chuyển nhượng khoản đầu tư tài chính cho các nhà đầu tư khác theo quy định của pháp luật;

c) Trường hợp đến thời điểm xác định giá trị mà đơn vị sự nghiệp công lập vẫn không thể bán hoặc chuyển giao được khoản đầu tư cho đối tác khác thì phải kế thừa theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Đối với giá trị vốn đầu tư tại các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trong Hợp đồng hoặc Giấy phép đầu tư góp vốn có điều khoản cam kết khi kết thúc thời hạn hoạt động của các doanh nghiệp này, toàn bộ tài sản của doanh nghiệp phải chuyển giao không bồi hoàn cho bên Việt Nam mà đơn vị sự nghiệp công lập tiếp tục kế thừa phải được tính vào giá trị đơn vị sự nghiệp công lập theo nguyên tắc quy định tại Điều 26 Nghị định này. Khi doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài kết thúc thời hạn hoạt động trong Hợp đồng hoặc Giấy phép đầu tư, công ty cổ phần phải chuyển giao tài sản không bồi hoàn cho Nhà nước Việt Nam quản lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công. Đơn vị sự nghiệp công lập phải công bố công khai cho các nhà đầu tư biết và quy định rõ trong biên bản bàn giao và điều lệ công ty cổ phần nội dung này.

Điều 18. Xử lý một số nội dung đặc thù khác của đơn vị sự nghiệp công lập

1. Đối với số dư nguồn cải cách tiền lương: Đến thời điểm xác định giá trị, đơn vị sự nghiệp công lập có số dư nguồn cải cách tiền lương thì được tính vào giá trị phần vốn nhà nước tại đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Tại thời điểm xác định giá trị, đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi thực hiện đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ từ hoạt động sản xuất, kinh doanh được thực hiện theo quy định về chế độ kế toán hành chính sự nghiệp. Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ từ hoạt động hành chính, sự nghiệp, hoạt động dự án không thực hiện kết chuyển vào kết quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi; Số dư khoản chênh lệch tỷ giá này tại thời điểm xác định giá trị, đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi

tiếp tục theo dõi trong giai đoạn từ thời điểm xác định giá trị đến thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

Thông tin về các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và kết quả đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm xác định giá trị đơn vị sự nghiệp công lập là thông tin được công bố tại bản cáo bạch.

3. Đối với tài sản là kết quả của quá trình thực hiện các chương trình, dự án nhưng chưa bàn giao đưa vào sử dụng, đơn vị bàn giao cho doanh nghiệp chuyển đổi để thực hiện hạch toán theo nguyên giá tạm tính theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính về chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản cố định trong đơn vị sự nghiệp công lập.

Giá trị tài sản công được bàn giao cho công ty cổ phần quản lý được tính vào giá trị phần vốn nhà nước của đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi.

4. Đối với tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước: Thực hiện theo quy định của Chính phủ về việc xử lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước hoặc văn bản thay thế.

5. Đối với tài sản đặc biệt, tài sản chuyên dùng thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh, tài sản kết cấu hạ tầng và các tài sản công khác mà các đơn vị sự nghiệp công lập quản lý, sử dụng không tính vào giá trị phần vốn nhà nước khi chuyển đổi thành công ty cổ phần:

- Đơn vị sự nghiệp công lập bàn giao cho công ty cổ phần tiếp tục quản lý hoặc xử lý theo hình thức khác theo quy định của pháp luật về quản lý sử dụng tài sản công;

- Đối với đơn vị sự nghiệp công lập có tài sản công giao cho công ty cổ phần quản lý, sử dụng không tính vào thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp: Đồng thời với việc xây dựng phương án chuyển đổi, phải thực hiện lập và trình phê duyệt Đề án khai thác, quản lý tài sản công giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công. Quyết định phê duyệt phương án chuyển đổi phải

bao gồm Đề án khai thác, quản lý tài sản công đã được phê duyệt. Đề án khai thác, quản lý tài sản công không tính vào thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp là một nội dung trong Phương án chuyển đổi và phải được công bố cụ thể tại Bản Công bố thông tin bán đấu giá cổ phần lần đầu của đơn vị sự nghiệp công lập.

6. Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể nội dung quy định tại Điều này.

Điều 19. Xử lý tài chính tại thời điểm đơn vị sự nghiệp công lập chính thức chuyển thành công ty cổ phần

1. Trước thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần, đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi thực hiện các quy định về cơ chế tài chính, phân phối kết quả tài chính, lập báo cáo tài chính theo quy định đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Quy định về xử lý tài chính tại thời điểm đơn vị sự nghiệp công lập chính thức chuyển thành công ty cổ phần:

a) Giá trị hao mòn tài sản cố định từ thời điểm xác định giá trị đơn vị sự nghiệp công lập đến thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần đã được ghi giảm nguồn kinh phí nhà nước tương ứng thì được tính vào giá trị phần vốn nhà nước của đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần;

b) Đối với đầu tư tài sản cố định, đầu tư xây dựng công trình còn dở dang khi xác định giá trị đơn vị sự nghiệp công lập nhưng đến thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần hoàn thành đầu tư và được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt: Trường hợp có chênh lệch giữa giá trị được phê duyệt và giá trị tại thời điểm xác định giá trị, đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi điều chỉnh theo quyết toán đã được phê duyệt, phần chênh lệch được tính vào giá trị phần vốn nhà nước tại đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi;

c) Đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi thực hiện đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần. Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ từ hoạt động sản xuất, kinh doanh được thực hiện theo quy định về chế độ kế toán hành chính sự nghiệp. Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục

tiền tệ có gốc ngoại tệ từ hoạt động hành chính, sự nghiệp, hoạt động dự án không thực hiện kết chuyển vào kết quả hoạt động, số dư khoản chênh lệch tỷ giá tại thời điểm này thực hiện chuyển giao cho công ty cổ phần theo dõi;

d) Mức trích khấu hao tài sản cố định là mức đã đăng ký với cơ quan thuế trước khi thực hiện xác định giá trị đơn vị sự nghiệp công lập;

đ) Đối với các khoản nợ phải thu đã làm thủ tục đối chiếu nhưng đến thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần vẫn chưa đối chiếu được thì phải xem xét, xử lý trách nhiệm bồi thường đối với tập thể, cá nhân có liên quan. Giá trị khoản nợ còn lại (sau khi bù trừ khoản bồi thường của các cá nhân, tập thể) được hạch toán vào chi phí hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi và thực hiện chuyển giao hồ sơ cho Công ty Mua bán nợ Việt Nam để xử lý theo quy định của pháp luật. Riêng đối với đơn vị sự nghiệp công lập thuộc doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thì thực hiện chuyển giao hồ sơ cho công ty mẹ để xử lý;

e) Đối với khoản công nợ phải trả đã làm đủ thủ tục đối chiếu nợ nhưng đến thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần vẫn không xác nhận được chủ nợ thì được hạch toán ghi tăng vốn nhà nước giá trị nợ phải trả nhưng không có chủ nợ xác nhận. Công ty cổ phần được chuyển đổi từ đơn vị sự nghiệp công lập có trách nhiệm lưu trữ hồ sơ, tiếp tục kế thừa, theo dõi để thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi có yêu cầu của chủ nợ và hạch toán khoản chi trả nợ vào chi phí sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ;

g) Đối với các khoản đầu tư tài chính: Đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi thực hiện đánh giá lại theo quy định tại Điều 24 và Điều 26 Nghị định này. Chênh lệch giá trị các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần và tại thời điểm xác định giá trị được tính vào giá trị phần vốn nhà nước của đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi;

h) Số dư quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, quỹ bổ sung thu nhập, quỹ đặc thù và quỹ khác (được hình thành từ nguồn ngân sách nhà nước cấp hoặc chênh lệch thu chi của đơn vị sự nghiệp công lập) được tính vào giá trị phần vốn nhà nước tại đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần;

i) Đối với các Chương trình, dự án, đề án, đề tài, nhiệm vụ do ngân sách nhà nước cấp đang thực hiện dở dang không hình thành tài sản: Đơn vị sự nghiệp công lập được tiếp tục thực hiện đến thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần. Đến thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần, số kinh phí còn lại hoặc không sử dụng hết phải nộp vào ngân sách nhà nước. Khoản kinh phí do ngân sách nhà nước cấp sẽ được quyết toán theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước;

k) Đối với các Chương trình, dự án, đề án, đề tài, nhiệm vụ do ngân sách nhà nước cấp đang thực hiện dở dang có hình thành tài sản:

- Trường hợp chương trình, dự án, đề tài, nhiệm vụ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt có nội dung đơn vị sự nghiệp công lập có trách nhiệm tiếp nhận, quản lý, sử dụng tài sản hình thành sau giai đoạn nghiên cứu, đầu tư hoặc đơn vị sau chuyển đổi có nhu cầu tiếp nhận (Phương án chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập phải ghi rõ nội dung này): Chênh lệch giữa kinh phí hình thành tài sản tại thời điểm đơn vị sự nghiệp công lập chính thức chuyển thành công ty cổ phần so với giá trị đã được tính vào vốn nhà nước khi xác định giá trị được điều chỉnh vào phần vốn nhà nước tại đơn vị sự nghiệp công lập tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần;

- Trường hợp chương trình, dự án, đề án, đề tài, nhiệm vụ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt không có nội dung quy định đơn vị sự nghiệp công lập tiếp nhận, quản lý, sử dụng tài sản hình thành sau giai đoạn nghiên cứu, đầu tư và đơn vị sau chuyển đổi không có nhu cầu sử dụng tài sản hình thành từ dự án, chương trình, đề tài: Kinh phí đã cấp cho đơn vị sự nghiệp công lập không ghi tăng giá trị phần vốn nhà nước tại thời điểm đơn vị chính thức chuyển thành công ty cổ phần. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND cấp tỉnh, Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh xem xét xử lý theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản hướng dẫn;

- Trường hợp cơ quan quản lý cấp trên có văn bản dừng thực hiện thì đơn vị sự nghiệp công lập có trách nhiệm nộp lại ngân sách nhà nước hoặc hủy dự toán tại kho bạc nhà nước hoặc xử lý theo cơ chế tài chính của chương trình do cơ

quan có thẩm quyền ban hành (nếu có). Tài sản dở dang do dừng thực hiện theo quyết định của cơ quan quản lý được xử lý theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

l) Khi lập báo cáo tài chính tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần để chuyển giao từ đơn vị sự nghiệp công lập sang công ty cổ phần, đơn vị sự nghiệp công lập không phải thực hiện trích nguồn thực hiện cải cách tiền lương. Trường hợp khi lập báo cáo tài chính tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần, nếu còn số dư nguồn cải cách tiền lương thì được tính vào giá trị phần vốn nhà nước tại đơn vị sự nghiệp công lập;

m) Khoản chênh lệch vốn nhà nước tăng từ thời điểm xác định giá trị đơn vị sự nghiệp công lập đến khi chính thức chuyển thành công ty cổ phần sau khi trừ các khoản chi theo quy định được nộp về ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về thu, sử dụng nguồn thu từ cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước doanh nghiệp, chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần.

Trường hợp phát sinh chênh lệch giảm giá trị phần vốn nhà nước thì đơn vị có trách nhiệm báo cáo cơ quan có thẩm quyền quyết định chuyển đổi để phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra, làm rõ nguyên nhân, xác định trách nhiệm tập thể, cá nhân và xử lý như sau:

- Nếu do nguyên nhân khách quan (do thiên tai, địch họa; do Nhà nước thay đổi chính sách; do tính hao mòn từ thời điểm xác định giá trị đến thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần; hoặc các nguyên nhân bất khả kháng khác) đơn vị báo cáo cơ quan có thẩm quyền quyết định chuyển đổi xem xét, quyết định việc sử dụng tiền thu từ bán cổ phần để bù đắp tổn thất sau khi trừ đi bồi thường của bảo hiểm (nếu có). Trường hợp tiền thu từ bán cổ phần không đủ bù đắp thì cơ quan có thẩm quyền quyết định chuyển đổi xem xét thông qua Đại hội đồng cổ đông để điều chỉnh quy mô, cơ cấu vốn điều lệ của đơn vị;

- Nếu do nguyên nhân chủ quan:

+ Trường hợp phát sinh chênh lệch giảm do không xử lý dứt điểm các tồn tại về tài chính theo quy định hiện hành của Nhà nước khi xác định giá trị phần vốn nhà nước tại đơn vị thì phải xác định rõ trách nhiệm của các cơ quan có liên quan

(đơn vị, cơ quan tư vấn định giá và cơ quan quyết định xác định giá trị đơn vị sự nghiệp chuyển đổi) để xử lý bồi thường vật chất.

+ Trường hợp phát sinh chênh lệch giảm do điều hành thì các cán bộ quản lý của đơn vị đó có trách nhiệm bồi thường toàn bộ tổn thất do chủ quan gây ra theo quy định hiện hành.

+ Trường hợp vì lý do bất khả kháng mà người có trách nhiệm bồi thường không có khả năng thực hiện việc bồi thường theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền thì phần tổn thất còn lại được xử lý như trường hợp do nguyên nhân khách quan.

3. Trong thời gian 90 ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần lần đầu, đơn vị sự nghiệp công lập phải hoàn thành các công việc sau:

a) Căn cứ giá trị đơn vị sự nghiệp công lập đã được cơ quan có thẩm quyền quyết định, báo cáo tình hình tài chính theo khuôn mẫu doanh nghiệp tại thời điểm xác định giá trị đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi được quy định tại khoản 2 Điều 28 Nghị định này và căn cứ quy định về xử lý tài chính tại thời điểm chính thức chuyển đổi thành công ty cổ phần được quy định tại khoản 2 Điều này; đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi lập báo cáo tài chính theo khuôn mẫu doanh nghiệp tại thời điểm tại thời điểm đăng ký doanh nghiệp cổ phần lần đầu làm căn cứ bàn giao sang công ty cổ phần.

Bộ Tài chính hướng dẫn công tác kế toán khi thực hiện chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần;

b) Thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính;

c) Quyết toán thuế và các khoản phải nộp ngân sách với cơ quan thuế;

d) Quyết toán các khoản kinh phí ngân sách nhà nước, các khoản viện trợ, vay nợ nước ngoài, các khoản phí được khấu trừ và để lại theo quy định của pháp luật;

đ) Sau khi hoàn thành các quy định tại điểm a, b, c và d khoản này, đơn vị sự nghiệp công lập đề nghị cơ quan quyết định chuyển đổi phê duyệt giá trị phần vốn nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần và quyết toán:

Tiền thu về chuyển đổi, chi trả chế độ cho người lao động dôi dư, chi phí chuyển đổi theo quy định.

4. Trong thời gian 60 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị phê duyệt giá trị phần vốn nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần, cơ quan quyết định chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập có trách nhiệm phối hợp với cơ quan liên quan thực hiện: Kiểm tra, xử lý các tồn tại tài chính; ban hành quyết định phê duyệt quyết toán tài chính, quyết toán số tiền thu từ cổ phần hóa, quyết toán chi phí chuyển đổi, quyết toán kinh phí hỗ trợ cho người lao động dôi dư; Quyết định công bố giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại thời điểm đơn vị sự nghiệp công lập chính thức chuyển thành công ty cổ phần; Xác định số phải nộp bổ sung theo quy định của pháp luật về thu, sử dụng nguồn thu từ cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước doanh nghiệp, chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần (nếu có).

5. Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể nội dung quy định tại Điều này.

Điều 20. Xử lý tài chính đối với các tài sản được hình thành từ nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp cho các dự án, chương trình, đề án và quyết toán sau thời điểm đơn vị sự nghiệp công lập chính thức chuyển thành công ty cổ phần

Đối với các dự án, chương trình, đề tài do ngân sách nhà nước cấp mà công ty cổ phần tiếp tục thực hiện sau chuyển đổi thì được quyết toán theo quy định của pháp luật hiện hành. Tài sản hình thành được bàn giao cho công ty cổ phần, được đánh giá và điều chỉnh vào giá trị phần vốn nhà nước tại công ty cổ phần chênh lệch giữa giá trị được đánh giá lại và giá trị tài sản đã ghi nhận tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần. Trên cơ sở phần vốn nhà nước tại công ty cổ phần được xác định lại, Đại hội đồng cổ đông công ty cổ phần quyết định điều chỉnh quy mô và cơ cấu vốn điều lệ theo quy định của pháp luật.

Chương III
XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP CHUYỂN ĐỔI

Điều 21. Tư vấn xác định giá trị đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi

1. Đơn vị sự nghiệp công lập được thuê tổ chức tư vấn để xác định giá trị đơn vị, xác định giá khởi điểm, xây dựng phương án cổ phần hóa và bán cổ phần lần đầu. Đơn vị tổ chức tư vấn được thuê phải đáp ứng đủ tiêu chuẩn cung cấp dịch vụ thực hiện tư vấn để xác định giá trị doanh nghiệp.

2. Việc lựa chọn tổ chức tư vấn có đủ các tiêu chuẩn quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều này để xác định giá trị đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi theo nguyên tắc:

a) Đối với các gói thầu tư vấn định giá có giá trị không quá 500 triệu đồng: Bộ trưởng, người đứng đầu cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định lựa chọn hình thức chỉ định thầu lựa chọn tổ chức tư vấn để xác định giá trị đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi;

b) Đối với các gói thầu tư vấn định giá có giá trị trên 500 triệu đồng đến 03 tỷ đồng và chỉ có 01 tổ chức đăng ký cung cấp dịch vụ tư vấn để xác định giá trị đơn vị sự nghiệp công lập: Bộ trưởng, người đứng đầu cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định lựa chọn hình thức chỉ định thầu lựa chọn tổ chức tư vấn để xác định giá trị đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi;

c) Đối với các gói thầu tư vấn không thuộc quy định tại điểm a, điểm b khoản này, Bộ trưởng, người đứng đầu cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định tổ chức đấu thầu lựa chọn đơn vị thực hiện tư vấn để xác định giá trị đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

3. Tổ chức tư vấn xác định giá trị đơn vị sự nghiệp công lập được lựa chọn các phương pháp xác định giá trị đơn vị sự nghiệp công lập thích hợp, bảo đảm các nguyên tắc quy định tại Nghị định này, quy định của pháp luật về giá, thẩm định giá, pháp luật về đất đai và pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; hoàn thành theo đúng thời hạn, đúng các cam kết trong hợp đồng đã ký. Đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, trung thực các thông tin liên quan đến đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi cho tổ chức tư vấn để sử dụng trong quá trình định giá.

4. Các tổ chức tư vấn trong nước cung cấp dịch vụ tư vấn để xác định giá trị đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi phải có đủ các tiêu chuẩn sau:

a) Các công ty kiểm toán, công ty chứng khoán, doanh nghiệp thẩm định giá được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo quy định của pháp luật và được Bộ Tài chính cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá theo quy định của pháp luật về giá và thẩm định giá;

b) Có ít nhất 05 năm kinh nghiệm (60 tháng hoạt động liên tục tính đến thời điểm nộp hồ sơ đăng ký cung cấp dịch vụ tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp) về một trong các lĩnh vực: thẩm định giá, kiểm toán, kế toán, tư vấn tài chính, tư vấn chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp;

c) Không nằm trong diện giải thể, phá sản, tổ chức lại hoặc kiểm soát đặc biệt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

d) Đáp ứng các tiêu chí về số lượng, chất lượng của đội ngũ nhân viên làm việc trong các lĩnh vực, ngành nghề mà tổ chức đang hoạt động;

đ) Không vi phạm các quy định của pháp luật trong lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh từ hình thức bị xử lý phạt vi phạm hành chính trở lên trong 05 năm liền trước năm đăng ký thực hiện;

e) Có quy trình nghiệp vụ xác định giá trị doanh nghiệp phù hợp với các quy định hiện hành của pháp luật về việc chuyển doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần và các tiêu chuẩn thẩm định giá.

5. Các tổ chức tư vấn nước ngoài được cung cấp dịch vụ tư vấn để xác định giá trị doanh nghiệp khi có đủ các tiêu chuẩn sau:

a) Là tổ chức hoạt động trong các lĩnh vực thẩm định giá, kiểm toán, kế toán, tư vấn tài chính, tư vấn chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp theo pháp luật tại nước đặt trụ sở chính;

b) Có uy tín, năng lực, thương hiệu và có ít nhất 05 năm kinh nghiệm (60 tháng hoạt động liên tục tính đến thời điểm nộp hồ sơ đăng ký cung cấp dịch vụ tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp) về một trong các lĩnh vực: Thẩm định giá, kiểm toán, kế toán, tư vấn tài chính, tư vấn chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp.

6. Trách nhiệm của tổ chức tư vấn để xác định giá trị đơn vị sự nghiệp công lập:

a) Tuân thủ các quy định của pháp luật liên quan trong quá trình thực hiện nghiệp vụ xác định giá trị đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi và thực hiện hợp đồng đã ký kết với khách hàng;

b) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả xác định giá trị đơn vị sự nghiệp công lập;

c) Phải bồi thường thiệt hại do vi phạm các quy định của pháp luật trong quá trình thực hiện dịch vụ tư vấn định giá hoặc bị xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật;

d) Giải trình hoặc cung cấp các thông tin, số liệu liên quan đến kết quả xác định giá trị doanh nghiệp khi có khiếu nại hoặc theo yêu cầu bằng văn bản của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND cấp tỉnh, Kiểm toán Nhà nước, Bộ Tài chính và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan;

đ) Bảo mật thông tin về khách hàng; lưu trữ hồ sơ, tài liệu về đơn vị sự nghiệp công lập đã thực hiện xác định giá trị;

e) Không được tham gia cung cấp dịch vụ tư vấn định giá trong các trường hợp sau: Người quản lý doanh nghiệp (theo quy định tại Luật Doanh nghiệp năm 2014 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có)), kế toán trưởng (hoặc người phụ trách kế toán), thẩm định viên về giá của tổ chức tư vấn định giá là người có liên quan (theo quy định tại Luật Doanh nghiệp năm 2014 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có)) với đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi.

Điều 22. Phương pháp áp dụng, căn cứ và thời điểm xác định giá trị đơn vị sự nghiệp công lập

1. Căn cứ tình hình, đặc điểm của đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức tư vấn xác định giá trị đơn vị sự nghiệp công lập lựa chọn các phương pháp xác định giá trị phù hợp theo quy định của Nghị định này và quy định của pháp luật về giá, thẩm định giá (bao gồm tiêu chuẩn thẩm định giá doanh nghiệp) để xác định giá trị đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi.

Giá trị đơn vị sự nghiệp công lập và giá trị vốn nhà nước tại đơn vị sự nghiệp công lập được xác định và công bố không được thấp hơn giá trị được xác định theo phương pháp tài sản quy định tại Nghị định này.

Mỗi đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi phải được áp dụng tối thiểu 02 phương pháp xác định giá trị khác nhau (trong đó bao gồm phương pháp tài sản quy định tại Nghị định này) trình cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 39 xem xét, quyết định. Trường hợp chỉ sử dụng 01 phương pháp để xác định giá trị đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức tư vấn xác định giá trị phải báo cáo lý do không đủ cơ sở áp dụng các phương pháp khác để cơ quan có thẩm quyền quyết định giá trị đơn vị sự nghiệp công lập xem xét, quyết định.

2. Căn cứ để xác định giá trị theo phương pháp tài sản gồm:

a) Quyết định và biên bản bàn giao tài sản của chủ sở hữu cho đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện chuyển đổi (trường hợp có thực hiện bàn giao theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 10 Nghị định này), báo cáo tài chính đã được kiểm toán, số liệu theo sổ kế toán của đơn vị tại thời điểm xác định giá trị;

b) Tài liệu kiểm kê, phân loại và đánh giá chất lượng tài sản của đơn vị tại thời điểm xác định giá trị;

c) Giá thị trường của tài sản tại thời điểm xác định giá trị đơn vị sự nghiệp công lập.

3. Thời điểm xác định giá trị đơn vị sự nghiệp công lập chuyển thành công ty cổ phần là ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính quý hoặc năm gần nhất sau thời điểm quyết định chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập và do cơ quan có thẩm quyền lựa chọn phù hợp với phương pháp tài sản.

Điều 23. Giá trị của đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi theo phương pháp tài sản

1. Giá trị thực tế của đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi là tổng giá trị toàn bộ tài sản của đơn vị tại thời điểm xác định giá trị đơn vị sau khi đánh giá lại, trong đó bao gồm giá trị thương hiệu của đơn vị sự nghiệp công lập (nếu có). Việc xác định giá trị thương hiệu của đơn vị sự nghiệp công lập được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

2. Giá trị thực tế vốn nhà nước tại đơn vị sự nghiệp công lập bằng giá trị thực tế của đơn vị trừ (-) các khoản nợ thực tế phải trả, quỹ khen thưởng, phúc lợi, số

dư quỹ bổ sung thu nhập chia cho người lao động của đơn vị sự nghiệp công lập, các khoản vốn góp của các tổ chức, cá nhân. Trong đó, nợ thực tế phải trả là tổng giá trị các khoản nợ phải trả trừ (-) các khoản nợ không phải thanh toán. Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể nội dung này.

Điều 24. Nguyên tắc xác định giá trị tài sản của đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi

1. Đối với tài sản vô hình, đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi có nhu cầu tiếp tục sử dụng phải xác định lại giá trị tài sản vô hình để tính vào giá trị đơn vị sự nghiệp công lập. Việc xác định lại giá trị tài sản vô hình phải tuân thủ theo quy định của pháp luật về thẩm định giá và do tổ chức có chức năng thẩm định giá xác định.

2. Các tài sản khác được xác định trên cơ sở nguyên giá phù hợp với giá trị thị trường của tài sản cùng loại hoặc có tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng, xuất xứ tương đương nhân với tỷ lệ chất lượng còn lại tại thời điểm xác định giá trị, nhưng không thấp hơn 20% giá trị tài sản mua mới.

3. Giá trị các khoản đầu tư tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi tại thời điểm xác định giá trị được xác định theo quy định tại Điều 26 Nghị định này, bao gồm cả cổ phần hiện có và sẽ nhận được mà không phải trả tiền mà đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi đã được chốt quyền được hưởng trước và tại thời điểm xác định giá trị đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi.

4. Giá trị tài sản công được giao cho công ty cổ phần chuyển đổi từ đơn vị sự nghiệp công lập quản lý phải được tính vào phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp. Trường hợp các tài sản công giao công ty cổ phần chuyển đổi từ đơn vị sự nghiệp công lập quản lý không tính vào phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp thì được quản lý, sử dụng theo quy định tại pháp luật về quản lý sử dụng tài sản công.

5. Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể nội dung quy định tại Điều này.

Điều 25. Các khoản sau đây không tính vào giá trị đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi

1. Giá trị những tài sản quy định tại các khoản 2 Điều 10 Nghị định này.

2. Các khoản nợ phải thu có đủ căn cứ xác định là khoản nợ phải thu không có khả năng thu hồi theo quy định.

3. Tài sản công tiếp tục giao đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi quản lý không tính vào giá trị phần vốn nhà nước tại đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi.

4. Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể nội dung quy định tại Điều này.

Điều 26. Xác định giá trị các khoản đầu tư tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi

1. Giá trị khoản đầu tư của đơn vị sự nghiệp công lập vào công ty cổ phần đã niêm yết trên thị trường chứng khoán được xác định theo giá tham chiếu của cổ phiếu giao dịch trên thị trường chứng khoán tại thời điểm xác định giá trị đơn vị sự nghiệp công lập. Trường hợp tại thời điểm xác định giá trị đơn vị sự nghiệp công lập không có giao dịch thì xác định theo giá tham chiếu phiên giao dịch ngày trước liền kề gần nhất với thời điểm xác định giá trị.

Giá trị khoản đầu tư của đơn vị sự nghiệp công lập vào công ty cổ phần đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại thời điểm xác định giá trị đơn vị sự nghiệp công lập. Trường hợp tại thời điểm xác định giá trị đơn vị sự nghiệp công lập không có giao dịch thì xác định theo giá giao dịch bình quân trên hệ thống của ngày trước liền kề gần nhất với thời điểm xác định giá trị đơn vị sự nghiệp công lập. Trường hợp cổ phiếu của công ty cổ phần đã đăng ký giao dịch trên thị trường UPCOM mà không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước thời điểm xác định giá trị đơn vị sự nghiệp công lập thì được xác định theo quy định tại điểm a, điểm b và điểm c khoản 2 Điều này.

Trường hợp giá trên thị trường chứng khoán hoặc giá trên thị trường UPCOM thấp hơn mệnh giá (10.000 đồng) nhưng công ty cổ phần có vốn góp của đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi hoạt động kinh doanh có lãi và không có lỗ lũy kế thì giá trị vốn góp của đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi vào công ty cổ phần này được xác định theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều này.

2. Giá trị đầu tư của đơn vị sự nghiệp công lập tại các doanh nghiệp khác (ngoài các trường hợp được quy định tại khoản 1 Điều này) được xác định trên cơ sở tỷ lệ vốn thực góp nhân (x) với giá trị vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp khác:

a) Tỷ lệ vốn thực góp của đơn vị sự nghiệp công lập là tỷ lệ % của vốn thực tế đã góp của đơn vị sự nghiệp công lập so với tổng số vốn thực góp (vốn góp của các chủ sở hữu) của doanh nghiệp khác;

b) Giá trị vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp khác được xác định theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán cùng với thời điểm xác định giá trị đơn vị sự nghiệp công lập. Trường hợp đơn vị có vốn góp của đơn vị sự nghiệp công lập chưa kiểm toán báo cáo tài chính thì căn cứ vào giá trị vốn chủ sở hữu theo báo cáo tài chính chưa được kiểm toán cùng thời điểm xác định giá trị đơn vị sự nghiệp công lập.

Trường hợp đơn vị có vốn góp của đơn vị sự nghiệp công lập không lập báo cáo tài chính cùng thời điểm xác định giá trị đơn vị sự nghiệp công lập thì căn cứ theo báo cáo tài chính gần nhất trước thời điểm xác định giá trị đơn vị sự nghiệp công lập để tính toán. Người đại diện phần vốn của đơn vị sự nghiệp công lập tại đơn vị có vốn góp báo cáo Ban Chỉ đạo về sự biến động vốn chủ sở hữu của đơn vị có vốn góp từ thời điểm lập báo cáo tài chính của đơn vị có vốn góp đến thời điểm xác định giá trị đơn vị sự nghiệp công lập để Ban Chỉ đạo xem xét, quyết dịnh.

c) Trường hợp giá trị vốn đầu tư của đơn vị sự nghiệp công lập tại doanh nghiệp khác khi đánh giá, xác định lại có giá trị thực tế thấp hơn giá trị ghi trên sổ sách kế toán của đơn vị sự nghiệp công lập thì được xác định theo giá trị thực tế xác định lại nhưng không thấp hơn không (0) đồng;

d) Việc chuyển đổi giá trị vốn góp của đơn vị sự nghiệp công lập tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn từ hai thành viên trở lên đang hoạt động tại nước ngoài được thực hiện theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi đơn vị sự nghiệp công lập thường xuyên có giao dịch tại thời điểm xác định giá trị đơn vị sự nghiệp công lập.

Điều 27. Công bố giá trị đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi

1. Căn cứ hồ sơ xác định giá trị đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi do tổ chức tư vấn định giá xây dựng, kết quả kiểm toán về định giá đơn vị sự nghiệp

công lập của Kiểm toán Nhà nước (nếu có), Ban Chỉ đạo thẩm tra về trình tự, thủ tục về xác định giá trị đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi theo quy định, báo cáo cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 39 Nghị định này để ban hành quyết định công bố giá trị đơn vị sự nghiệp công lập.

Thời gian thực hiện xử lý tài chính và tổ chức tư vấn định giá xác định giá trị đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi (từ thời điểm xác định giá trị đến thời điểm công bố giá trị đơn vị) phải đảm bảo không quá 12 tháng; đối với các đơn vị phải thực hiện Kiểm toán Nhà nước thời gian không quá 15 tháng.

Trường hợp quá thời hạn trên chưa công bố được giá trị đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi, cơ quan có thẩm quyền nêu trên quyết định điều chỉnh thời điểm xác định giá trị đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi để tổ chức xử lý tài chính và xác định lại giá trị đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định; đồng thời tiến hành kiểm điểm, xử lý trách nhiệm và bồi thường vật chất các chi phí phát sinh do các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc kéo dài thời gian công bố giá trị.

2. Cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm xem xét, quyết định và công bố giá trị đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi trong thời hạn không quá 15 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận đủ hồ sơ (bao gồm cả Kết luận của Kiểm toán Nhà nước đối với đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi quy định tại Điều 30 Nghị định này).

3. Trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền có quyết định công bố giá trị, đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi có trách nhiệm bảo quản và bàn giao các khoản nợ đã loại trừ khi xác định giá trị đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi theo quy định cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Mua bán nợ Việt Nam; riêng đối với đơn vị sự nghiệp công lập thuộc doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thì thực hiện bàn giao cho công ty mẹ.

Điều 28. Sử dụng kết quả xác định giá trị đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi

1. Kết quả xác định giá trị đơn vị sự nghiệp công lập của cơ quan có thẩm quyền là cơ sở để quyết định công bố giá trị đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi, xây dựng phương án chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập (bao gồm Phương án

hoạt động sản xuất kinh doanh trong 3 - 5 năm sau chuyển đổi theo giá trị đơn vị sự nghiệp công lập được xác định lại và theo cơ chế tài chính doanh nghiệp) và xác định giá khởi điểm để thực hiện đấu giá bán cổ phần.

- Trường hợp sau khi xác định lại giá trị, đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi không còn vốn nhà nước hoặc việc xử lý tài chính dẫn tới không còn vốn nhà nước để thực hiện chuyển đổi thì cơ quan quyết định chuyển đổi báo cáo Thủ tướng Chính phủ về việc xem xét dừng thực hiện chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần và lựa chọn hình thức sắp xếp khác theo quy định của pháp luật.

- Trường hợp phương án hoạt động sản xuất kinh doanh trong 3 - 5 năm sau chuyển đổi theo giá trị đơn vị sự nghiệp công lập được xác định lại và theo cơ chế tài chính doanh nghiệp (chi phí được tính đúng tính đủ theo nguyên tắc thị trường) không đảm bảo khả năng tiếp tục cung cấp dịch vụ sự nghiệp công do doanh thu không đủ bù đắp chi phí thì cơ quan quyết định chuyển đổi báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét dừng thực hiện chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần và lựa chọn hình thức sắp xếp khác theo quy định của pháp luật.

2. Căn cứ giá trị đơn vị sự nghiệp công lập đã được cơ quan có thẩm quyền công bố, đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi lập báo cáo tình hình tài chính của đơn vị theo khuôn mẫu của doanh nghiệp tại thời điểm xác định giá trị. Báo cáo tình hình tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi theo khuôn mẫu của doanh nghiệp tại thời điểm xác định giá trị là một trong các tài liệu được công bố kèm theo bản cáo bạch.

3. Căn cứ báo cáo tình hình tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi theo khuôn mẫu của doanh nghiệp tại thời điểm xác định giá trị, kết quả xử lý tài chính tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần, đơn vị sự nghiệp công lập lập báo cáo tình hình tài chính theo khuôn mẫu doanh nghiệp tại thời điểm đăng ký doanh nghiệp cổ phần lần đầu theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 19 Nghị định này để làm căn cứ bàn giao cho công ty cổ phần.

Điều 29. Điều chỉnh lại giá trị đơn vị sự nghiệp công lập

1. Cơ quan có thẩm quyền quyết định giá trị đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi xem xét, quyết định điều chỉnh lại giá trị đơn vị đã công bố theo quy định trong trường hợp sau:

a) Có những nguyên nhân khách quan (thiên tai, địch họa, chính sách Nhà nước thay đổi hoặc do các nguyên nhân bất khả kháng khác) làm ảnh hưởng đến giá trị những tài sản của đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi;

b) Phát hiện những sai lệch trong quá trình xác định giá trị đơn vị của tổ chức tư vấn hoặc đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi.

2. Việc điều chỉnh lại giá trị đơn vị đã công bố quy định tại khoản 1 Điều này chỉ áp dụng đối với các đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi chưa thực hiện bán đấu giá công khai ra công chúng.

3. Sau 09 tháng kể từ thời điểm công bố giá trị đơn vị mà đơn vị sự nghiệp công lập chưa thực hiện việc bán đấu giá công khai ra công chúng thì phải tổ chức xác định lại giá trị đơn vị, ngoại trừ các trường hợp theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ theo đề nghị của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND cấp tỉnh, Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh nhưng phải đảm bảo thời điểm bán đấu giá công khai ra công chúng của đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi không vượt quá 12 tháng kể từ thời điểm công bố giá trị.

Điều 30. Kiểm toán Nhà nước đối với đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi

1. Kiểm toán Nhà nước thực hiện kiểm toán kết quả định giá đơn vị sự nghiệp công lập và xử lý các vấn đề về tài chính trước khi định giá đối với đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ, đề nghị của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND cấp tỉnh, Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.

2. Trách nhiệm của Kiểm toán Nhà nước và các cơ quan liên quan:

a) Sau khi có kết quả tư vấn định giá, bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND cấp tỉnh, Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia thành

phố Hồ Chí Minh có trách nhiệm gửi văn bản kèm theo hồ sơ đề nghị Kiểm toán Nhà nước thực hiện kiểm toán kết quả định giá và xử lý các vấn đề tài chính trước khi chính thức công bố giá trị đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi;

b) Trong thời gian 10 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của cơ quan có thẩm quyền, Kiểm toán Nhà nước có trách nhiệm kiểm toán kết quả tư vấn định giá và xử lý tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi. Thời gian hoàn thành, công bố kết quả kiểm toán không quá 60 ngày làm việc kể từ ngày tiến hành kiểm toán;

c) Đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi và tổ chức tư vấn định giá có trách nhiệm giải trình, cung cấp đầy đủ hồ sơ, tài liệu có liên quan đến công tác xác định giá trị đơn vị và xử lý các vấn đề tài chính trước khi định giá theo yêu cầu của Kiểm toán Nhà nước.

3. Xử lý kết quả kiểm toán:

Căn cứ kết quả kiểm toán về định giá đơn vị sự nghiệp công lập của Kiểm toán Nhà nước, Bộ trưởng, người đứng đầu cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch UBND cấp tỉnh, Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội, Giám đốc Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh xem xét, quyết định công bố giá trị đơn vị sự nghiệp công lập và triển khai các bước tiếp theo của quá trình chuyển đổi theo quy định.

Trường hợp bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND cấp tỉnh, Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh không thống nhất với kết quả Kiểm toán Nhà nước công bố thì trao đổi lại để thống nhất; trường hợp sau khi trao đổi vẫn không thống nhất thì báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định trước khi công bố giá trị đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi theo thẩm quyền.

Chương IV
BÁN CỔ PHẦN LẦN ĐẦU, QUẢN LÝ SỬ DỤNG TIỀN THU TỪ CHUYỂN ĐỔI ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP, BÀN GIAO GIỮA ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP CHUYỂN ĐỔI VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN

Điều 31. Xác định vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ

1. Căn cứ kết quả công bố giá trị phần vốn nhà nước tại đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi và kế hoạch sản xuất, kinh doanh của các năm sau khi chuyển thành công ty cổ phần, cơ quan có thẩm quyền quyết định phương án chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập quyết định quy mô và cơ cấu vốn điều lệ:

a) Trường hợp giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại đơn vị lớn hơn mức vốn điều lệ cần thiết cho hoạt động của doanh nghiệp mà không thuộc diện Nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối thì cơ quan có thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án chuyển đổi xác định điều chỉnh vốn điều lệ theo nhu cầu thực tế. Phần chênh lệch giữa giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại đơn vị với mức vốn điều lệ được nộp theo quy định của pháp luật về thu, sử dụng nguồn thu từ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước và chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập;

b) Trường hợp phát hành thêm cổ phiếu, vốn điều lệ được xác định bằng giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại đơn vị và giá trị cổ phần phát hành thêm tính theo mệnh giá cổ phiếu.

2. Trên cơ sở vốn điều lệ đã được xác định, cơ quan quyết định chuyển đổi quyết định cơ cấu vốn cổ phần lần đầu, bao gồm:

a) Cổ phần Nhà nước nắm giữ theo tiêu chí phân loại đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi được Thủ tướng Chính phủ công bố trong từng thời kỳ;

b) Cổ phần bán cho tổ chức công đoàn cơ sở tại đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi:

Công đoàn cơ sở được sử dụng nguồn quỹ công đoàn để mua cổ phần nhưng không quá 3% vốn điều lệ. Số cổ phần này do tổ chức công đoàn nắm giữ nhưng không được chuyển nhượng trong vòng 03 năm kể từ thời điểm đơn vị sự nghiệp công lập chuyển thành công ty cổ phần; giá bán cổ phần ưu đãi cho tổ chức công đoàn bằng mệnh giá (10.000 đồng/cổ phần).

c) Cổ phần bán cho người lao động trong đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại Điều 37 Nghị định này;

d) Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược (nếu có) theo quy định tại Điều 6 Nghị định này;

đ) Cổ phần bán đấu giá công khai ra công chúng, tối thiểu bằng 20% vốn điều lệ.

3. Trường hợp số lượng cổ phần bán ưu đãi cho người lao động trong đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi (tính theo mức ưu đãi tối đa) lớn hơn số lượng cổ phần dự kiến phát hành còn lại (sau khi đã trừ đi số cổ phần Nhà nước nắm giữ và số cổ phần bán cho các nhà đầu tư, tổ chức Công đoàn theo quy định tại các điểm a, b, d, đ khoản 2 Điều này) và đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi không thuộc diện Nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối thì cơ quan phê duyệt phương án chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập xem xét, quyết định điều chỉnh giảm số lượng cổ phần Nhà nước nắm giữ để đảm bảo đủ số lượng cổ phần ưu đãi cho người lao động.

Điều 32. Xử lý số lượng cổ phần không bán hết và điều chỉnh lại vốn điều lệ, cơ cấu vốn điều lệ theo kết quả bán cổ phần

1. Căn cứ phương án chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Ban Chỉ đạo thực hiện bán cổ phần cho người lao động và tổ chức công đoàn trong đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi. Số lượng cổ phần người lao động và tổ chức công đoàn từ chối mua theo phương án chuyển đổi, Ban Chỉ đạo báo cáo cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án chuyển đổi quy định tại Điều 39 Nghị định này bổ sung vào số lượng cổ phần bán đấu giá công khai ra công chúng.

2. Căn cứ kết quả bán đấu giá cổ phần, Ban Chỉ đạo báo cáo cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 39 Nghị định này điều chỉnh lại vốn điều lệ, cơ cấu vốn điều lệ đảm bảo nguyên tắc:

- Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi theo hình thức bán một phần vốn nhà nước kết hợp phát hành thêm cổ phiếu mà cổ phiếu phát hành ra không được bán hết thì xác định số cổ phần bán được là số cổ phần phát hành thêm theo phương án chuyển đổi được phê duyệt. Trường hợp tổng số cổ phần bán được theo các hình thức quy định (bao gồm cả số cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược) lớn hơn số cổ phần phát hành thêm theo phương án chuyển đổi thì phần chênh lệch tăng được xác định là cổ phần bán phần vốn nhà nước;

- Số cổ phần bán ưu đãi cho người lao động được xác định là số cổ phần bán phần vốn nhà nước.

3. Trường hợp không có nhà đầu tư nào đăng ký mua cổ phần, Ban Chỉ đạo thực hiện bán cổ phần cho người lao động và tổ chức công đoàn trong đơn vị sự nghiệp theo phương án chuyển đổi đã duyệt, đồng thời thực hiện các thủ tục để chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần, số lượng cổ phần chưa bán hết là căn cứ thực hiện điều chỉnh lại vốn điều lệ, cơ cấu vốn điều lệ theo quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Trường hợp chỉ có 01 nhà đầu tư đăng ký mua cổ phần, Ban Chỉ đạo thực hiện thỏa thuận bán cổ phần cho nhà đầu tư đã đăng ký mua cổ phần với giá bán không thấp hơn giá khởi điểm với khối lượng đã đăng ký mua hợp lệ. Nếu nhà đầu tư không mua, đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều này.

5. Trường hợp sau khi bán đấu giá công khai tất cả các nhà đầu tư trúng đấu giá trong cuộc đấu giá công khai đều từ chối mua, đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều này.

6. Trường hợp đã bán được một phần số cổ phần chào bán trong cuộc đấu giá công khai, số lượng cổ phần còn lại chưa bán được trong cuộc đấu giá công khai (bao gồm cả số lượng cổ phần các nhà đầu tư đã trúng giá nhưng từ chối mua) được thực hiện theo trình tự sau:

a) Ban Chỉ đạo tiếp tục thông báo đến các nhà đầu tư đã tham gia đấu giá hợp lệ (không bao gồm các nhà đầu tư đã trúng đấu giá trong cuộc đấu giá công khai) để bán thỏa thuận cho các nhà đầu tư này theo đúng khối lượng đã đăng ký và mức giá đã đặt mua tại phiên đấu giá theo nguyên tắc lựa chọn giá thỏa thuận từ mức giá đã trả cao nhất xuống mức thấp của cuộc đấu giá đã công bố trở xuống cho đủ số lượng cổ phần còn phải bán;

b) Nếu không bán hết cổ phần cho các nhà đầu tư sau khi đã thỏa thuận, Ban Chỉ đạo tiếp tục thông báo đến các nhà đầu tư đã trúng đấu giá trong cuộc đấu giá công khai (không bao gồm các nhà đầu tư đã trúng đấu giá nhưng từ chối mua) để thỏa thuận bán cho các nhà đầu tư này với giá bán là mức giá đã đặt mua tại phiên đấu giá của từng nhà đầu tư theo nguyên tắc lựa chọn giá thỏa thuận từ mức giá đã trả cao nhất xuống mức thấp của cuộc đấu giá đã công bố trở xuống cho đủ số lượng cổ phần còn phải bán;

c) Trường hợp số lượng cổ phiếu không bán hết theo quy định tại điểm a và b khoản này, đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều này.

Điều 33. Thời hạn hoàn thành việc bán cổ phần

Trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày quyết định phê duyệt phương án chuyển đổi, đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi phải hoàn thành việc bán cổ phần (kể cả bán cổ phần theo phương thức bảo lãnh phát hành và bán thỏa thuận trực tiếp).

Điều 34. Quản lý và sử dụng tiền thu từ chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập

1. Xác định số tiền thu từ bán cổ phần lần đầu

a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn nộp tiền của nhà đầu tư tham gia cuộc đấu giá công khai, tổ chức thực hiện bán đấu giá có trách nhiệm chuyển tiền thu từ bán cổ phần lần đầu cho đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi để xử lý lao động dôi dư và thanh toán chi phí chuyển đổi theo dự toán chi phí đã xác định trong phương án chuyển đổi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, phần còn lại nộp theo quy định của pháp luật về thu, sử dụng nguồn thu từ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước và chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập;

b) Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày hết hạn nộp tiền của nhà đầu tư tham gia cuộc bán đấu giá công khai, Ban Chỉ đạo chỉ đạo hoàn tất việc tổ chức bán cổ phần cho tổ chức công đoàn và người lao động theo quy định tại Nghị định này và phương án chuyển đổi đã được phê duyệt. Đối với số tiền thu từ bán cổ phần cho tổ chức công đoàn và người lao động, Ban Chỉ đạo chỉ đạo đơn vị sự nghiệp công lập nộp trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày hết hạn nộp tiền theo quy định của pháp luật về thu, sử dụng nguồn thu từ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước và chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập;

c) Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày hết hạn nộp tiền của nhà đầu tư tham gia cuộc bán đấu giá công khai, Ban Chỉ đạo chỉ đạo hoàn thành việc bán số cổ phần theo quy định tại khoản 6 Điều 32 Nghị định này. Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày hết hạn nộp tiền, Ban Chỉ đạo chỉ đạo nộp tiền thu từ việc bán cổ phần này theo quy định của pháp luật về thu, sử dụng nguồn thu từ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước và chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập;

d) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày hết hạn nộp tiền của nhà đầu tư tham gia cuộc bán đấu giá công khai, Ban Chỉ đạo chỉ đạo hoàn thành việc bán cổ phần theo phương thức thỏa thuận cho các nhà đầu tư chiến lược theo quy định tại Nghị định này. Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày hết hạn nộp tiền, Ban Chỉ đạo nộp số tiền thu được từ bán cổ phần này theo quy định của pháp luật về thu, sử dụng nguồn thu từ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước và chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập;

đ) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày hết hạn nộp tiền của nhà đầu tư tham gia cuộc bán đấu giá công khai, Ban Chỉ đạo chỉ đạo phối hợp cùng tổ chức bán đấu giá hoàn thành việc bán đấu giá cho các nhà đầu tư chiến lược. Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày hết hạn nộp tiền, Ban Chỉ đạo chuyển tiền thu từ việc bán cổ phần này nộp theo quy định của pháp luật về thu, sử dụng nguồn thu từ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước và chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập;

e) Trường hợp tổng số tiền thu từ bán cổ phần lần đầu quy định tại điểm a, b, c, d, đ khoản 1 Điều này thấp hơn dự toán chi phí xử lý lao động dôi dư và dự toán chi phí chuyển đổi theo phương án chuyển đổi được phê duyệt, đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi được giữ lại toàn bộ khoản tiền thu này để thực hiện chi trả các khoản chi theo dự toán đã được duyệt và thực hiện quyết toán chính thức tại thời điểm doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu; trường hợp còn thiếu thì xử lý theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều này.

2. Xác định số tiền thu từ cổ phần tại thời điểm đơn vị sự nghiệp công lập chính thức chuyển thành công ty cổ phần:

a) Trong thời hạn 90 ngày kể từ thời điểm được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu, căn cứ báo cáo tình hình tài chính theo khuôn mẫu doanh nghiệp tại thời điểm đăng ký doanh nghiệp cổ phần lần đầu và hướng dẫn xử lý tài chính tại thời điểm doanh nghiệp chính thức chuyển thành công ty cổ phần theo quy định tại Điều 19 Nghị định này, doanh nghiệp có trách nhiệm tự xác định khoản phải nộp theo quy định của pháp luật về thu, sử dụng nguồn thu từ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước và chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập. Trong đó các khoản được để lại doanh nghiệp gồm:

- Giá trị tương ứng với số cổ phần phát hành thêm tính theo mệnh giá;

- Phần thặng dư vốn của số cổ phần phát hành thêm được sử dụng để thanh toán chi phí chuyển đổi và giải quyết chính sách đối với lao động dôi dư (nếu thiếu thì được xử lý theo quy định tại điểm d khoản này); số tiền còn lại (nếu có) để lại cho công ty cổ phần theo tỷ lệ tương ứng với cổ phần phát hành thêm trong cơ cấu vốn điều lệ, trong đó:

$$\text{Phần thặng dư của số cổ phần phát hành thêm} = \text{Số lượng cổ phần phát hành thêm} \times \left| \text{Giá trúng đấu giá} - \text{Giá khởi điểm} \right|$$

b) Trong phạm vi 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định của cơ quan có thẩm quyền về các nội dung quy định tại khoản 4 Điều 19 Nghị định này, đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi có trách nhiệm nộp tiếp khoản chênh lệch tăng thêm so với số đã nộp xác định tại điểm a khoản 2 Điều này theo quy định của pháp luật về thu, sử dụng nguồn thu từ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước và chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập;

c) Trường hợp số tiền phải nộp về theo quyết toán của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND cấp tỉnh, Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh thấp hơn số đơn vị tự xác định và đã nộp theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này thì đơn vị thực hiện thủ tục yêu cầu hoàn trả số tiền nộp thừa theo quy định của pháp luật về thu, sử dụng nguồn thu từ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước và chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập;

d) Trường hợp số tiền được thu từ bán cổ phần ưu đãi cho người lao động, tổ chức công đoàn, nhà đầu tư chiến lược và các nhà đầu tư khác theo kết quả bán đấu giá cổ phần không đảm bảo đủ bù đắp được các chi phí liên quan (gồm chi phí chuyển đổi, chi phí hỗ trợ lao động dôi dư, chi phí ưu đãi cho người lao động) theo quyết toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND cấp tỉnh, Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, xem xét, quyết định thông qua Đại hội đồng cổ đông để điều chỉnh giảm vốn nhà nước góp trong công ty cổ phần (nếu công ty cổ phần còn vốn nhà nước), vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ của công ty cổ phần cho phù hợp với thực tế. Trường hợp sau khi điều chỉnh không còn vốn nhà nước thì doanh

nghiệp báo cáo bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND cấp tỉnh, Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, thực hiện thủ tục yêu cầu hoàn trả doanh nghiệp phần còn thiếu theo quy định của pháp luật về thu, sử dụng nguồn thu từ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước và chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập;

đ) Trường hợp thực hiện chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập theo hình thức kết hợp bán một phần vốn nhà nước hiện có tại đơn vị sự nghiệp công lập hoặc vừa kết hợp bán bớt một phần vốn nhà nước vừa phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ mà số cổ phần chào bán không được bán hết thì xử lý như sau:

Xác định số cổ phần bán được là số cổ phần phát hành thêm theo phương án chuyển đổi đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp tổng số cổ phần bán được lớn hơn số cổ phần phát hành thêm thì phần chênh lệch tăng được xác định là cổ phần bán phần vốn nhà nước.

Số tiền thu từ chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập được xác định và thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.

3. Sau thời hạn quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, nếu tổ chức thực hiện bán đấu giá và doanh nghiệp chưa nộp tiền về ngân sách nhà nước thì tổ chức thực hiện bán đấu giá và công ty cổ phần thì sẽ bị xử lý phạt chậm nộp theo quy định của pháp luật về thu, sử dụng nguồn thu từ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước và chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập.

4. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND cấp tỉnh, Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, có trách nhiệm chỉ đạo Ban Chỉ đạo và công ty cổ phần báo cáo đầy đủ, kịp thời việc quản lý và sử dụng các khoản thu từ cổ phần hóa gửi về Bộ Tài chính.

5. Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể nội dung quy định tại Điều này.

Điều 35. Bàn giao giữa đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện chuyển đổi và công ty cổ phần

1. Căn cứ quyết định phê duyệt quyết toán tài chính, quyết toán số tiền thu từ chuyển đổi, quyết toán chi phí chuyển đổi, quyết toán kinh phí hỗ trợ cho người

lao động dôi dư và quyết định công bố giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại thời điểm đơn vị sự nghiệp công lập chính thức chuyển thành công ty cổ phần, Ban Chỉ đạo chỉ đạo đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi lập hồ sơ bàn giao và tổ chức bàn giao; thời gian hoàn thành bàn giao không quá 30 ngày kể từ ngày có quyết định phê duyệt quyết toán tài chính tại thời điểm đơn vị chính thức chuyển sang công ty cổ phần.

2. Hồ sơ bàn giao bao gồm:

a) Hồ sơ xác định giá trị đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi và quyết định công bố giá trị đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi;

b) Báo cáo tài chính tại thời điểm đơn vị chính thức chuyển thành công ty cổ phần đã được kiểm toán và phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền;

c) Quyết định xác định giá trị phần vốn nhà nước tại thời điểm chuyển thành công ty cổ phần của cơ quan có thẩm quyền;

d) Biên bản bàn giao tài sản, tiền vốn được lập tại thời điểm bàn giao (có bảng chi tiết công nợ bàn giao cho công ty cổ phần tiếp tục kế thừa và các tồn tại về tài chính cần tiếp tục xử lý - nếu có);

đ) Các báo cáo về tình hình lao động và sử dụng đất;

e) Các tài liệu khác.

Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể nội dung này.

3. Thành phần bàn giao gồm:

a) Bộ trưởng, người đứng đầu cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, chủ tịch UBND cấp tỉnh, Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội, Giám đốc Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh và người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi, Kế toán trưởng đại diện cho bên giao;

b) Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc, Kế toán trưởng và đại diện tổ chức công đoàn công ty cổ phần đại diện cho bên nhận.

4. Biên bản bàn giao phải có đầy đủ chữ ký của thành phần bàn giao và phải ghi rõ: Tình hình tài sản, tiền vốn, lao động có tại thời điểm bàn giao; quyền lợi và

nghĩa vụ công ty cổ phần tiếp tục kế thừa; những tồn tại công ty cổ phần có trách nhiệm tiếp tục giải quyết.

5. Công ty cổ phần được sử dụng toàn bộ tài sản, nguồn vốn đã nhận bàn giao để tổ chức hoạt động; kế thừa mọi quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm của đơn vị sự nghiệp công lập đã bàn giao và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

6. Các nghĩa vụ và trách nhiệm của đơn vị sự nghiệp công lập được xác định bổ sung sau khi đã quyết toán, bàn giao cho công ty cổ phần không thuộc trách nhiệm của công ty cổ phần. Trường hợp do bàn giao thiếu các khoản nợ phải trả dẫn đến việc công ty cổ phần không chịu trách nhiệm kế thừa nghĩa vụ trả nợ thì cơ quan quyết định chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi, kế toán trưởng và các tổ chức, cá nhân có liên quan hoàn toàn chịu trách nhiệm thanh toán nợ.

7. Sau thời gian 60 kể từ ngày ký Biên bản bàn giao, công ty cổ phần phải hoàn thành các hồ sơ về tài sản, đất đai và gửi đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định để thực hiện chuyển quyền sở hữu, quản lý, sử dụng tài sản từ đơn vị sự nghiệp công lập sang công ty cổ phần; thực hiện giao đất, nộp tiền sử dụng đất, cấp hoặc cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đất đai.

Chương V
CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP CHUYỂN ĐỔI VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Điều 36. Chính sách ưu đãi cho đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi

1. Công ty cổ phần chuyển đổi từ đơn vị sự nghiệp công lập được hưởng các chính sách ưu đãi như doanh nghiệp thành lập mới.

2. Được hưởng các ưu đãi về lệ phí trước bạ theo quy định của Luật Phí, lệ phí và các văn bản hướng dẫn.

3. Được ký lại các hợp đồng thuê đất, thuê nhà cửa, vật kiến trúc của các cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật có liên quan.

4. Được tham gia cung cấp dịch vụ công khi đáp ứng các điều kiện theo quy định hiện hành của nhà nước về đặt hàng, đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên.

5. Đối với công trình phúc lợi là nhà trẻ, nhà mẫu giáo, bệnh xá và các tài sản phúc lợi khác đầu tư bằng nguồn Quỹ phúc lợi thì chuyển giao cho tổ chức công đoàn tại công ty cổ phần quản lý, sử dụng để phục vụ tập thể người lao động trong công ty cổ phần.

Đối với nhà ở cán bộ, công nhân viên đầu tư bằng nguồn Quỹ phúc lợi của đơn vị sự nghiệp công lập thì chuyển giao cho cơ quan quản lý nhà đất của địa phương để quản lý.

6. Các đơn vị sự nghiệp công lập khi chuyển sang công ty cổ phần được áp dụng các ưu đãi về hoạt động khoa học, công nghệ, chính sách khuyến khích xã hội hóa theo quy định.

Điều 37. Chính sách đối với người lao động trong đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi

1. Chính sách bán cổ phần cho người lao động tại đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi:

a) Đối tượng mua cổ phần với giá ưu đãi bao gồm: Viên chức, người lao động làm việc theo hợp đồng lao động trong đơn vị sự nghiệp công lập tại thời điểm xác định giá trị đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi;

b) Các đối tượng quy định tại điểm a khoản 1 Điều này được mua tối đa 100 cổ phần cho mỗi năm thực tế làm việc tại khu vực nhà nước (bao gồm toàn bộ thời gian đã làm việc tại các đơn vị/tổ chức thuộc khu vực nhà nước) với giá bán bằng 60% giá trị 01 cổ phần tính theo mệnh giá (10.000 đồng/cổ phần);

c) Khoản chênh lệch giữa giá bán cho viên chức, người lao động so với mệnh giá cổ phần theo quy định tại khoản 1 Điều này được trừ vào giá trị phần vốn nhà nước khi quyết toán tại thời điểm đơn vị sự nghiệp công lập chính thức chuyển thành công ty cổ phần;

d) Số cổ phần bán với giá ưu đãi theo quy định tại khoản này, người lao động phải nắm giữ và không được chuyển nhượng trong vòng 03 năm kể từ thời điểm nộp tiền mua cổ phần ưu đãi;

đ) Tổng giá trị của số cổ phần bán với giá ưu đãi cho người lao động tính theo mệnh giá tối đa không vượt quá giá trị phần vốn nhà nước theo sổ sách kế toán tại thời điểm xác định giá trị đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Viên chức, người lao động làm việc theo hợp đồng lao động của đơn vị sự nghiệp công lập tại thời điểm xác định giá trị đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi, thuộc đối tượng đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi cần sử dụng và có cam kết làm việc lâu dài cho công ty cổ phần trong thời hạn ít nhất là 03 năm (kể từ ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu) sẽ được mua thêm cổ phần theo quy định sau:

a) Mua thêm theo mức 200 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp trong doanh nghiệp nhưng tối đa không quá 2.000 cổ phần cho một người lao động.

Riêng người lao động là các chuyên gia giỏi, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao được mua thêm theo mức 800 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp trong doanh nghiệp nhưng tối đa không quá 8.000 cổ phần cho một người lao động. Đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi căn cứ đặc thù ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh của mình xây dựng các tiêu chí để xác định chuyên gia giỏi, có trình độ nghiệp vụ cao, thông qua tại Hội nghị người lao động của đơn vị sự nghiệp công lập trước khi chuyển đổi thành công ty cổ phần và trình cơ quan phê duyệt phương án chuyển đổi quyết định.

b) Giá bán cổ phần cho người lao động mua thêm quy định tại điểm a khoản này là giá khởi điểm được cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 39 Nghị định này phê duyệt trong phương án cổ phần hóa;

c) Mỗi một người lao động chỉ được hưởng quyền mua thêm cổ phần theo một mức xác định tại điểm a khoản này;

d) Số cổ phần người lao động được mua thêm quy định tại điểm a khoản 2 Điều này được xác định theo thời gian cam kết tiếp tục làm việc tối đa đến đủ tuổi nghỉ hưu đối với lao động trong điều kiện lao động bình thường theo quy định tại Bộ luật Lao động hiện hành;

đ) Số cổ phiếu người lao động mua thêm quy định tại điểm a khoản 2 Điều này được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông sau khi kết thúc thời gian cam kết.

Trường hợp công ty cổ phần thực hiện thay đổi cơ cấu, công nghệ, di dời hoặc thu hẹp địa điểm sản xuất, kinh doanh theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền dẫn tới người lao động phải chấm dứt hợp đồng lao động, thôi việc, mất việc theo quy định của Bộ luật Lao động trước thời hạn đã cam kết thì số cổ phần đã được mua thêm sẽ được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông. Trường hợp người lao động có nhu cầu bán lại cho doanh nghiệp số cổ phần này thì công ty cổ phần có trách nhiệm mua lại với giá giao dịch trên thị trường.

Trường hợp người lao động chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn đã cam kết thì phải bán lại cho công ty cổ phần toàn bộ số cổ phần đã được mua thêm với giá giao dịch trên thị trường nhưng không vượt quá giá đã được mua tại thời điểm chuyển đổi.

3. Người lao động có nhu cầu mua thêm cổ phần ngoài số cổ phần được mua theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này thực hiện đăng ký mua đấu giá.

4. Được chia số dư bằng tiền của Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi, Quỹ bổ sung thu nhập theo quy định tại Điều 14 Nghị định này.

5. Người lao động trong đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi được tiếp tục tham gia và hưởng quyền lợi về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các chế độ khác theo quy định hiện hành khi chuyển sang công ty cổ phần.

6. Người lao động trong đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi được hưởng chế độ hưu trí và các quyền lợi theo chế độ hiện hành nếu đã có đủ điều kiện tại thời điểm công bố giá trị đơn vị sự nghiệp công lập.

Điều 38. Chính sách đối với người lao động dôi dư

1. Đối với viên chức, viên chức quản lý làm việc tại đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi: Tại thời điểm xác định giá trị, đơn vị không bố trí được việc làm tại công ty cổ phần theo phương án sử dụng lao động thì được hưởng chính sách về tinh giản biên chế theo quy định của Chính phủ.

2. Đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động của đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi: Tại thời điểm xác định giá trị, đơn vị không bố trí được việc làm tại công ty cổ phần theo phương án sử dụng lao động thì được hưởng chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo quy định của Chính phủ.

Chương VI
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 39. Quyền hạn và trách nhiệm trong tổ chức thực hiện chuyển đổi

1. Thủ tướng Chính phủ:

a) Quyết định ban hành Danh mục ngành, lĩnh vực thực hiện chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần;

b) Phê duyệt Danh mục chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần của các bộ, ngành, địa phương, Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.

Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND cấp tỉnh, Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Danh mục chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của mình theo quy định tại Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về Danh mục ngành, lĩnh vực thực hiện chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần.

c) Quyết định dừng chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần và chuyển sang hình thức sắp xếp khác theo quy định của pháp luật theo đề nghị của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND cấp tỉnh, Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 28 Nghị định này.

2. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ

Quyền hạn và trách nhiệm của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ đối với việc chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc bộ, cơ quan ngang bộ,

cơ quan thuộc Chính phủ; đơn vị sự nghiệp công lập thuộc đơn vị của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; đơn vị sự nghiệp công lập thuộc đơn vị sự nghiệp công lập thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; đơn vị sự nghiệp công lập thuộc doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ bao gồm:

a) Ban hành Quyết định chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần;

b) Thành lập Ban Chỉ đạo chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập;

c) Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát quá trình chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại Nghị định này và các quy định của pháp luật liên quan;

d) Quyết định hoặc ủy quyền cho đơn vị thuộc bộ, Ban Chỉ đạo quyết định: Chọn tổ chức tư vấn chuyển đổi, chọn tổ chức bán đấu giá cổ phần, chọn tổ chức kiểm toán;

đ) Phê duyệt dự toán chi phí chuyển đổi; Quyết định công bố giá trị đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi;

e) Báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định dừng chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần và chuyển sang hình thức sắp xếp khác đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 28 Nghị định này;

g) Lấy ý kiến các cơ quan có liên quan về phương án chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập và ban hành Quyết định về việc phê duyệt phương án chuyển đổi kèm theo dự thảo Điều lệ công ty cổ phần phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2014 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có) và các quy định của pháp luật có liên quan; quyết định việc bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược, tiêu chí lựa chọn và tỷ lệ cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược đối với đơn vị sự nghiệp công lập thuộc danh mục Nhà nước tiếp tục nắm giữ trên 50% vốn điều lệ theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về danh mục ngành, lĩnh vực thực hiện chuyển đổi đơn vị sự nghiệp thành công ty cổ phần;

h) Quyết định điều chỉnh vốn nhà nước tại công ty cổ phần theo quy định; quyết định bàn giao cho bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, đối với tài sản thừa (nếu có);

i) Phê duyệt phương án sử dụng lao động và giải quyết lao động dôi dư đối với đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi;

k) Phê duyệt tiêu chí người lao động là chuyên gia giỏi, có trình độ cao, phương án sử dụng lao động và giải quyết lao động dôi dư đối với đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi;

l) Phê duyệt quyết toán tài chính, quyết toán chi phí chuyển đổi, quyết toán kinh phí hỗ trợ cho người lao động dôi dư, quyết toán số tiền thu từ chuyển đổi; công bố giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại thời điểm đơn vị sự nghiệp công lập được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu;

m) Giải quyết vướng mắc, khiếu nại, tố cáo liên quan đến đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi theo thẩm quyền và quy định của pháp luật;

n) Chỉ đạo đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi thực hiện đăng ký, lưu ký cổ phần trúng đấu giá tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch tại các sàn giao dịch chứng khoán theo quy định.

3. UBND cấp tỉnh

Quyền hạn và trách nhiệm của UBND cấp tỉnh đối với việc chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND cấp tỉnh; đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan chuyên môn của UBND cấp tỉnh; đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tổ chức hành chính khác của UBND cấp tỉnh; đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND cấp tỉnh; đơn vị sự nghiệp công lập thuộc doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thuộc UBND cấp tỉnh bao gồm:

a) Ban hành Quyết định chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần;

b) Thành lập Ban Chỉ đạo chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập;

c) Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát quá trình chuyển đổi đơn vị theo các nội dung quy định tại Nghị định này và các quy định của pháp luật liên quan;

d) Quyết định hoặc ủy quyền cho cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác, Ban chỉ đạo quyết định: Chọn tổ chức tư vấn chuyển đổi, chọn tổ chức bán đấu giá cổ phần, chọn tổ chức kiểm toán;

đ) Phê duyệt dự toán chi phí chuyển đổi; quyết định công bố giá trị đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi;

e) Báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định dừng chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần và chuyển sang hình thức sắp xếp khác đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 28 Nghị định này;

g) Lấy ý kiến các cơ quan có liên quan về phương án chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập và ban hành Quyết định về việc phê duyệt phương án chuyển đổi kèm theo dự thảo Điều lệ công ty cổ phần phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2014 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có) và các quy định của pháp luật có liên quan; quyết định việc bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược, tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư chiến lược và tỷ tệ cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược đối với đơn vị sự nghiệp công lập thuộc danh mục nhà nước tiếp tục nắm giữ trên 50% vốn điều lệ theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về danh mục ngành, lĩnh vực thực hiện chuyển đổi đơn vị sự nghiệp thành công ty cổ phần;

h) Quyết định điều chỉnh vốn nhà nước tại công ty cổ phần theo quy định; quyết định bàn giao cho UBND cấp tỉnh đối với tài sản thừa (nếu có);

i) Phê duyệt phương án sử dụng lao động và giải quyết lao động dôi dư đối với đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi;

k) Phê duyệt tiêu chí người lao động là chuyên gia giỏi, có trình độ cao, phương án sử dụng lao động và giải quyết lao động dôi dư đối với đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi;

l) Phê duyệt quyết toán tài chính, quyết toán chi phí chuyển đổi, quyết toán kinh phí hỗ trợ cho người lao động dôi dư, quyết toán số tiền thu từ chuyển đổi và công bố giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại thời điểm đơn vị sự nghiệp công lập được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu;

m) Giải quyết những vướng mắc, khiếu nại, tố cáo liên quan đến đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi theo thẩm quyền và quy định của pháp luật;

n) Chỉ đạo đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi thực hiện đăng ký, lưu ký cổ phần trúng đấu giá tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch tại các sàn giao dịch chứng khoán theo quy định tại Điều 42 Nghị định này.

4. Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh

Quyền hạn và trách nhiệm của Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh đối với việc chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh gồm:

a) Ban hành Quyết định chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần;

b) Thành lập Ban Chỉ đạo chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập;

c) Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát quá trình chuyển đổi đơn vị theo các nội dung quy định tại Nghị định này và các quy định của pháp luật liên quan;

d) Quyết định hoặc ủy quyền cho đơn vị trực thuộc, Ban Chỉ đạo quyết định: Chọn tổ chức tư vấn chuyển đổi, chọn tổ chức bán đấu giá cổ phần, chọn tổ chức kiểm toán;

đ) Phê duyệt dự toán chi phí chuyển đổi; quyết định công bố giá trị đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi;

e) Báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định dừng chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần và chuyển sang hình thức sắp xếp khác đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 28 Nghị định này;

g) Lấy ý kiến các cơ quan có liên quan về phương án chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập và ban hành Quyết định về việc phê duyệt phương án chuyển đổi kèm theo dự thảo Điều lệ công ty cổ phần phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định của pháp luật có liên quan; quyết định việc bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược, tiêu chí lựa chọn và tỷ lệ cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược đối với đơn vị sự nghiệp công lập thuộc danh mục nhà nước tiếp tục nắm giữ trên 50% vốn điều lệ theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về danh mục ngành, lĩnh vực thực hiện chuyển đổi đơn vị sự nghiệp thành công ty cổ phần;

h) Quyết định điều chỉnh vốn nhà nước tại công ty cổ phần theo quy định; quyết định bàn giao cho Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh đối với tài sản thừa (nếu có);

i) Phê duyệt phương án sử dụng lao động và giải quyết lao động dôi dư đối với đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi;

k) Phê duyệt tiêu chí người lao động là chuyên gia giỏi, có trình độ cao, phương án sử dụng lao động và giải quyết lao động dôi dư đối với đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi;

l) Phê duyệt quyết toán tài chính; quyết toán chi phí chuyển đổi; quyết toán kinh phí hỗ trợ cho người lao động dôi dư, quyết toán số tiền thu từ chuyển đổi và công bố giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại thời điểm đơn vị sự nghiệp công lập được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu;

m) Giải quyết vướng mắc, khiếu nại, tố cáo liên quan đến đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi theo thẩm quyền và quy định của pháp luật;

n) Chỉ đạo đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi thực hiện đăng ký, lưu ký cổ phần trúng đấu giá tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch tại các sàn giao dịch chứng khoán theo quy định.

5. UBND cấp huyện chỉ đạo đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc thực hiện kế hoạch chuyển đổi theo danh mục chuyển đổi đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo chỉ đạo của UBND cấp tỉnh;

6. Hội đồng thành viên Công ty mẹ Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước; Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên độc lập do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ: Chỉ đạo đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc thực hiện kế hoạch chuyển đổi theo danh mục chuyển đổi đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo chỉ đạo của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND cấp tỉnh.

7. Đơn vị sự nghiệp công lập cấp trên của đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi: Chỉ đạo đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc thực hiện kế hoạch chuyển đổi theo danh mục chuyển đổi đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo chỉ đạo của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND cấp tỉnh, Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.

8. Quyền hạn, trách nhiệm và thành phần Ban Chỉ đạo:

a) Ban Chỉ đạo có quyền hạn, trách nhiệm sau:

- Giúp cơ quan quyết định chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần theo quy định tại Nghị định này;

- Được sử dụng con dấu của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND cấp tỉnh, Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh trong khi thực hiện nhiệm vụ;

- Thành lập Tổ giúp việc triển khai công tác chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập;

- Chỉ đạo đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi thực hiện:

+ Chuẩn bị hồ sơ, tài liệu pháp lý về tài sản của đơn vị (bao gồm cả nhà cửa, đất đai); phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa; kiểm kê tài sản, đối chiếu công nợ tại thời điểm lập báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật;

+ Xây dựng kế hoạch, tiến độ chuyển đổi thành công ty cổ phần;

+ Xử lý các vấn đề về tài chính, lao động,

+ Tổ chức xác định giá trị đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại Nghị định này;

+ Xây dựng phương án chuyển đổi theo quy định tại khoản 6 Bước 1 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

- Thẩm tra và trình bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND cấp tỉnh, Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh lựa chọn tổ chức tư vấn cổ phần hóa, lựa chọn tổ chức bán đấu giá cổ phần, lựa chọn nhà đầu tư chiến lược, quyết định công bố giá trị đơn vị sự nghiệp công lập, lựa chọn phương thức bán cổ phần lần đầu, quyết định phê duyệt phương án chuyển đổi đảm bảo hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập sau chuyển đổi;

- Chỉ đạo đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi phối hợp với các tổ chức đấu giá bán cổ phần theo quy định;

- Chỉ đạo đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi xác định số tiền thu về cổ phần hóa phù hợp với hình thức chuyển đổi thành công ty cổ phần, lập báo cáo quyết toán (quyết toán tài chính thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần, quyết toán chi phí chuyển đổi, chi phí giải quyết chế độ cho người lao động dôi dư, chi phí ưu đãi cho người lao động và tổ chức công đoàn) báo cáo cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

- Tổng hợp báo cáo bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND cấp tỉnh, Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh kết quả bán cổ phần;

- Tổng hợp và trình bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND cấp tỉnh, Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh quyết định điều chỉnh phương án chuyển đổi thành công ty cổ phần, quyết định điều chỉnh giá trị doanh nghiệp sau khi chuyển thành công ty cổ phần;

- Phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm tra và trình bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND cấp tỉnh, Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh quyết định phê duyệt quyết toán tài chính; quyết toán chi phí chuyển đổi; quyết toán kinh phí hỗ trợ cho người lao động dôi dư; quyết toán số tiền thu từ chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập và công bố giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại thời điểm công ty cổ phần được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu;

- Xem xét và đề xuất với bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND cấp tỉnh, Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh cấp tỉnh cử người đại diện phần vốn nhà nước, đại diện chủ sở hữu vốn góp tại công ty cổ phần chuyển đổi từ đơn vị sự nghiệp công lập;

- Chỉ đạo đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi thực hiện công bố công khai kịp thời, đầy đủ quá trình chuyển đổi trên cổng thông tin điện tử Chính phủ và gửi về Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp để theo dõi.

b) Thành phần Ban Chỉ đạo do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch UBND cấp tỉnh, Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội, Giám đốc Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh quyết định.

9. Trách nhiệm của doanh nghiệp chuyển đổi từ đơn vị sự nghiệp công lập:

a) Phải cam kết tiếp tục cung cấp dịch vụ sự nghiệp công với chất lượng tốt;

b) Có trách nhiệm báo cáo cơ quan có thẩm quyền thực hiện giám sát tình hình cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sau khi chuyển đổi.

10. Trách nhiệm trong việc giám sát sau khi đơn vị sự nghiệp công lập hoàn thành chuyển đổi thành công ty cổ phần:

a) Trách nhiệm của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND cấp tỉnh, Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh:

- Định kỳ hằng năm, báo cáo về kết quả thực hiện chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần, tỷ lệ vốn nhà nước tại công ty cổ phần chuyển đổi từ đơn vị sự nghiệp công lập, tình hình sản xuất kinh doanh, biến động về quy mô lao động và thu nhập trung bình của người lao động. Báo cáo được gửi tới Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp, Ban Chỉ đạo về đổi mới cơ chế hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập trước ngày 31/3 năm sau;

- Ban hành sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền cơ chế giám sát, đánh giá kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm, dịch vụ công thuộc phạm vi quản lý;

- Thực hiện giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp có vốn nhà nước chuyển đổi từ đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của Chính phủ.

b) Trách nhiệm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

- Định kỳ hằng năm, tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tình hình chuyển đổi và kết quả chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần;

- Rà soát, kiến nghị Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Danh mục ngành, lĩnh vực thực hiện chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần theo từng thời kỳ nhất định.

c) Trách nhiệm của Bộ Tài chính

Trên cơ sở báo cáo của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, UBND cấp tỉnh, Bộ Tài chính có trách nhiệm rà soát tình hình thực hiện chính sách về chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần, báo cáo Chính phủ điều chỉnh cho phù hợp.

11. Bộ Tài chính hướng dẫn trách nhiệm của: Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần; trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam; sở giao dịch chứng khoán; nhà đầu tư.

Điều 40. Quy định về chủ sở hữu phần vốn nhà nước tại công ty cổ phần chuyển đổi từ đơn vị sự nghiệp công lập

1. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ là cơ quan đại diện chủ sở hữu phần vốn nhà nước tại công ty cổ phần được chuyển đổi từ đơn vị sự nghiệp công lập thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc đơn vị của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ.

2. UBND cấp tỉnh là cơ quan đại diện chủ sở hữu phần vốn nhà nước tại công ty cổ phần được chuyển đổi từ đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND cấp tỉnh, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan chuyên môn của UBND cấp tỉnh, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tổ chức hành chính khác thuộc UBND cấp tỉnh, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND cấp huyện.

3. Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh là chủ sở hữu phần vốn nhà nước tại công ty cổ phần được chuyển đổi từ đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.

4. Đơn vị sự nghiệp công lập cấp trên là chủ sở hữu phần vốn nhà nước đầu tư tại công ty cổ phần được chuyển đổi từ đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc.

5. Công ty mẹ Tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ là chủ sở hữu phần vốn đầu tư tại công ty cổ phần được chuyển đổi từ đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc.

Điều 41. Chế độ báo cáo

Bộ trưởng, người đứng đầu cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch UBND cấp tỉnh, Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội, Giám đốc Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, Chủ tịch UBND cấp huyện, Hội đồng thành viên Công ty mẹ Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước; Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, giám đốc doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ có trách nhiệm:

1. Báo cáo kịp thời về Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp, Bộ Tài chính và Bộ Kế hoạch và Đầu tư các nội dung có liên quan trong quá trình chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập như: Kết quả xử lý các tồn tại về tài chính, kết quả định giá, quyết định công bố giá trị đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi và điều chỉnh giá trị đơn vị, phương án chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập sang công ty cổ phần, kết quả bán cổ phần, quyết toán chi phí chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập, quyết toán bàn giao sang công ty cổ phần, các hành vi vi phạm của tổ chức tư vấn trong quá trình cổ phần hóa.

2. Chỉ đạo đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện công bố đầy đủ, kịp thời các nội dung quy định tại Điều 42 Nghị định này.

Điều 42. Thực hiện công khai, minh bạch thông tin và đăng ký, niêm yết trên thị trường chứng khoán

1. Đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi phải thực hiện công bố công khai trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ, đồng thời gửi về Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp để theo dõi: Lộ trình và tiến độ triển khai chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập, các thông tin về đơn vị (trong đó có phương án sử dụng đất đã được phê duyệt, các diện tích đất đang có tranh chấp cần tiếp tục giải quyết - nếu có), các vấn đề về xử lý tài chính trong quá trình chuyển đổi, phương pháp định giá và kết quả xác định giá trị đơn vị, phương án chuyển đổi, tình hình và kết quả triển khai phương án chuyển đổi, tình hình quản lý và sử dụng đất đai, phương án sắp xếp và mua cổ phần của người lao động, dự thảo điều lệ của doanh nghiệp theo đúng quy định tại Luật Doanh nghiệp. Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể nội dung này.

2. Khi lập hồ sơ bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng, đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi đồng thời phải lập hồ sơ đăng ký lưu ký và hồ sơ đăng ký giao dịch hoặc niêm yết trên thị trường chứng khoán (đối với đơn vị đủ điều kiện niêm yết theo quy định của pháp luật về chứng khoán). Ngay sau khi kết thúc đợt chào bán, nếu đáp ứng đầy đủ các điều kiện niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán, đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi phải nộp hồ sơ niêm yết và thông báo kết quả chào bán cho Ủy ban Chứng khoán nhà nước.

3. Trong thời hạn tối đa 90 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng, trường hợp đáp ứng đủ điều kiện về công ty đại chúng theo pháp luật về chứng khoán, đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi phải hoàn tất thủ tục đăng ký lưu ký cổ phiếu tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom.

4. Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi theo hình thức vừa bán bớt một phần vốn nhà nước vừa phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ dưới hình thức đấu giá công khai để chào bán cổ phiếu ra công chúng nếu đáp ứng đầy đủ các điều kiện niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán, đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi phải nộp hồ sơ niêm yết ngay sau khi kết thúc đợt chào bán và thông báo kết quả chào bán cho Ủy ban Chứng khoán nhà nước.

5. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND cấp tỉnh, Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh quy định việc cổ phần hóa đồng thời với việc đăng ký, niêm yết trên thị trường chứng khoán trong phương án chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập để công bố cho các nhà đầu tư biết trước khi bán cổ phần lần đầu.

Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi đồng thời niêm yết ngay trên Sở Giao dịch chứng khoán thì bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND cấp tỉnh, Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh quyết định khối lượng cổ phần đặt mua tối thiểu đối với số cổ phần bán ra công chúng trong phương án phát hành cổ phần lần đầu để doanh nghiệp chuyển đổi từ đơn vị sự nghiệp công lập có đủ điều kiện niêm yết. Quy định mức đặt mua tối thiểu trong phương án phát hành cổ phần lần đầu không phân biệt đối xử giữa các nhà đầu tư thuộc mọi thành phần kinh tế.

Chương VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 43. Điều khoản chuyển tiếp

1. Các đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi đã có quyết định công bố giá trị đơn vị nhưng chưa được phê duyệt phương án chuyển đổi trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì phải xây dựng phương án chuyển đổi và triển khai phương án theo quy định tại Nghị định này. Các đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi thuộc đối tượng quy định tại Điều 30 Nghị định này phải thực hiện Kiểm toán Nhà nước và điều chỉnh lại giá trị đơn vị đã công bố nếu có chênh lệch.

2. Các đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi đã có quyết định phê duyệt phương án chuyển đổi của cấp có thẩm quyền trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo phương án được duyệt. Việc xử lý các vấn đề về tài chính và quyết toán và nộp số tiền thu từ chuyển đổi tại thời điểm được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần lần đầu thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

3. Các đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo phương án được duyệt. Số cổ phần còn lại (chênh lệch giữa số cổ phần thực tế bán cho nhà đầu tư chiến lược với tổng số cổ phần dự kiến bán cho nhà đầu tư chiến lược theo phương án chuyển đổi được duyệt), cơ quan công bố giá trị đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi quyết định điều chỉnh vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ trước khi tổ chức Đại hội cổ đông lần đầu để tiếp tục thực hiện chuyển nhượng vốn theo quy định của pháp luật hiện hành về chuyển nhượng vốn nhà nước đầu tư tại công ty cổ phần.

4. Các đơn vị sự nghiệp công lập đã chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành: Việc xử lý các vấn đề về tài chính, quyết định phê duyệt quyết toán tài chính; quyết toán chi phí chuyển đổi, quyết toán kinh phí hỗ trợ cho người lao động dôi dư, quyết toán số

tiền thu từ chuyển đổi và quyết định công bố giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại thời điểm công ty cổ phần được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần lần đầu và chỉ đạo tổ chức bàn giao cho công ty cổ phần theo quy định tại Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ; việc nộp các khoản thu về chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập được thực hiện theo quy định của pháp luật về thu, sử dụng nguồn thu từ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước và chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập.

5. Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc đối tượng áp dụng của Quyết định số 31/2017/QĐ-TTg ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí, danh mục ngành, lĩnh vực thực hiện chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần nhưng không thuộc đối tượng áp dụng của Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần và đang thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ thì được tiếp tục thực hiện chuyển thành công ty cổ phần theo quy định tại Nghị định này.

Điều 44. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2021. Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

Điều 45. Trách nhiệm thi hành và tổ chức thực hiện

1. Bộ Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn: Xử lý tài chính, xác định giá trị đơn vị sự nghiệp công lập, bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần; hướng dẫn công tác kế toán khi thực hiện chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần.

2. Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hướng dẫn việc lập và phê duyệt phương án sử dụng đất đối với đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần.

3. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội được áp dụng các quy định tại Nghị định này để thực hiện chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tổ chức thành công ty cổ phần.

4. Công ty cổ phần chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước được áp dụng quy định tại Nghị định này để tổ chức, thực hiện chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp trực thuộc thành công ty cổ phần. Ngân sách nhà nước không cấp kinh phí cho việc thực hiện chuyển đổi đơn vị sự nghiệp thuộc các doanh nghiệp này thành công ty cổ phần.

5. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội, Giám đốc Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi có trách nhiệm thực hiện các quy định tại Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc

Phụ lục

QUY TRÌNH CHUYỂN ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP THÀNH CÔNG TY CỔ PHẦN

(Kèm theo Nghị định số 150/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ)

Quy trình chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần bao gồm các bước công việc sau:

Bước 1. Xây dựng Phương án chuyển đổi

1. Thành lập Ban Chỉ đạo và Tổ giúp việc.

a) Căn cứ Danh mục các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc các bộ/ngành/địa phương được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, cơ quan có thẩm quyền quyết định việc chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập quyết định thành lập Ban Chỉ đạo và kế hoạch, lộ trình triển khai công tác chuyển đổi;

b) Trưởng Ban Chỉ đạo lựa chọn và ra quyết định thành lập Tổ giúp việc chuyển đổi đơn vị sự nghiệp thành công ty cổ phần trong thời gian 05 ngày làm việc, kể từ ngày có quyết định thành lập Ban Chỉ đạo.

2. Chuẩn bị các hồ sơ, tài liệu.

Ban Chỉ đạo chỉ đạo Tổ giúp việc phối hợp cùng với đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi chuẩn bị hồ sơ, tài liệu liên quan bao gồm:

- Các Hồ sơ pháp lý về thành lập đơn vị sự nghiệp công lập;

- Các Hồ sơ pháp lý về tài sản, nguồn vốn, công nợ của đơn vị sự nghiệp công lập;

- Báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán thuế của đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi đến thời điểm xác định giá trị đơn vị;

- Lập dự toán chi phí chuyển đổi theo chế độ quy định;

- Phương án sử dụng đất của đơn vị sự nghiệp công lập đang quản lý phù hợp với quy định của pháp luật đất đai, pháp luật về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất

thuộc sở hữu nhà nước trong từng thời kỳ đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

- Lập danh sách và phương án sử dụng lao động đang quản lý;

- Lựa chọn phương pháp, hình thức xác định giá trị đơn vị, lựa chọn thời điểm xác định giá trị đơn vị phù hợp với điều kiện của đơn vị sự nghiệp công lập và các văn bản hướng dẫn có liên quan đến chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần.

3. Ban Chỉ đạo chỉ đạo Tổ giúp việc phối hợp cùng với đơn vị sự nghiệp công lập chuẩn bị hồ sơ, tài liệu liên quan trình cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 39 Nghị định này phê duyệt dự toán chi phí chuyển đổi, quyết định lựa chọn tư vấn chuyển đổi theo chế độ quy định.

4. Tổ chức kiểm kê, xử lý những vấn đề về tài chính và tổ chức xác định giá trị đơn vị sự nghiệp công lập

Đơn vị sự nghiệp công lập phối hợp với tổ chức tư vấn tiến hành:

a) Kiểm kê, phân loại tài sản và quyết toán tài chính, quyết toán thuế, phối hợp với các cơ quan có liên quan xử lý những vấn đề về tài chính đến thời điểm xác định giá trị đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi;

b) Tổ chức xác định giá trị đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi

Ban Chỉ đạo chỉ đạo Tổ giúp việc phối hợp cùng với đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi và tổ chức tư vấn tổ chức xác định giá trị đơn vị theo quy định. Trường hợp Tổ chức tư vấn có chức năng định giá thì có thể thuê trọn gói về lập phương án chuyển đổi, xác định giá trị đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi, tổ chức bán cổ phần.

5. Quyết định và công bố giá trị đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi.

Ban Chỉ đạo thẩm tra kết quả kiểm kê, phân loại tài sản và kết quả xác định giá trị đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi, báo cáo cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 39 Nghị định này quyết định công bố giá trị đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi.

Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi thực hiện kiểm toán quy định tại Điều 30 Nghị định này, Ban Chỉ đạo trình cơ quan có thẩm quyền quyết

định giá trị đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại Điều 39 Nghị định này, gửi văn bản và hồ sơ đề nghị cơ quan kiểm toán nhà nước thực hiện kiểm toán kết quả tư vấn định giá và xử lý các vấn đề tài chính trước khi chính thức công bố giá trị đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi.

Quyết định công bố giá trị đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi phải ghi rõ các khoản công nợ bàn giao sang Công ty Mua bán nợ Việt Nam và tài sản bàn giao cho bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND cấp tỉnh, Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.

6. Hoàn tất Phương án chuyển đổi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

a) Căn cứ quyết định công bố giá trị đơn vị sự nghiệp công lập và tình hình thực tế của đơn vị sự nghiệp công lập, Ban Chỉ đạo chỉ đạo Tổ giúp việc phối hợp cùng với đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi, tổ chức tư vấn xây dựng Phương án chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập. Phương án chuyển đổi phải bao gồm các nội dung cơ bản như:

- Thực trạng của đơn vị sự nghiệp công lập tại thời điểm xác định giá trị đơn vị;

- Kết quả xác định giá trị đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi và những vấn đề cần tiếp tục xử lý;

- Hình thức chuyển đổi và vốn điều lệ theo yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty cổ phần;

- Cơ cấu vốn điều lệ, giá khởi điểm và phương thức phát hành cổ phiếu theo quy định;

- Dự thảo Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty cổ phần theo các quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật hiện hành;

- Phương án sắp xếp lại lao động đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

- Phương án hoạt động sản xuất kinh doanh trong 3 - 5 năm tiếp theo (bao gồm phương án quản lý, khai thác các tài sản công được giao cho doanh nghiệp quản lý không tính vào thành phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp);

- Phương án sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Ban Chỉ đạo chỉ đạo Tổ giúp việc cùng với đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi phối hợp với tổ chức tư vấn tổ chức công khai Phương án chuyển đổi và gửi tới từng bộ phận trong đơn vị để nghiên cứu trước khi tổ chức Hội nghị người lao động.

Sau Hội nghị người lao động, Tổ giúp việc, đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi phối hợp với tổ chức tư vấn hoàn thiện Phương án chuyển đổi để trình cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 39 Nghị định ngày phê duyệt.

c) Ban Chỉ đạo thẩm định phương án chuyển đổi báo cáo cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Trường hợp sau khi xác định lại giá trị, đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi không còn vốn nhà nước hoặc việc xử lý tài chính dẫn tới âm vốn nhà nước thì Ban Chỉ đạo báo cáo cơ quan quyết định chuyển đổi xem xét việc dừng thực hiện chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần. Cơ quan quyết định chuyển đổi lựa chọn hình thức sắp xếp khác theo quy định của pháp luật đối với đơn vị sự nghiệp công lập;

- Trường hợp phương án hoạt động sản xuất kinh doanh trong 3 - 5 năm sau chuyển đổi theo mặt bằng giá trị đơn vị sự nghiệp công lập được xác định lại và theo cơ chế tài chính, chế độ kế toán của doanh nghiệp không khả thi thì Ban Chỉ đạo yêu cầu đơn vị sự nghiệp công lập điều chỉnh phương án chuyển đổi. Trường hợp điều chỉnh phương án chuyển đổi nhưng vẫn không đảm bảo khả năng tiếp tục cung cấp dịch vụ sự nghiệp công của doanh nghiệp chuyển đổi từ đơn vị sự nghiệp công lập thì Ban Chỉ đạo báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét việc dừng thực hiện chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần.

Bước 2. Tổ chức thực hiện phương án chuyển đổi

1. Ban Chỉ đạo chỉ đạo đơn vị sự nghiệp công lập phối hợp với các tổ chức tư vấn trung gian tổ chức bán cổ phần theo phương án chuyển đổi đã được duyệt và quy định tại Nghị định này.

2. Ban Chỉ đạo chỉ đạo đơn vị sự nghiệp công lập bán cổ phần ưu đãi cho người lao động và tổ chức công đoàn tại đơn vị (nếu có) theo phương án đã duyệt.

3. Căn cứ vào kết quả tổng hợp bán cổ phần cho các đối tượng theo quy định trong phương án chuyển đổi, Ban Chỉ đạo chỉ đạo đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi nộp thu từ chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định.

Trường hợp không bán hết cổ phần cho các đối tượng theo đúng phương án chuyển đổi được duyệt, Ban Chỉ đạo báo cáo cơ quan quyết định phê duyệt phương án cổ phần hóa ra quyết định điều chỉnh quy mô, cơ cấu cổ phần của đơn vị.

4. Ban Chỉ đạo báo cáo bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND cấp tỉnh, Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh quyết định cử người làm đại diện phần vốn tại các công ty cổ phần có vốn nhà nước tiếp tục tham gia trong công ty cổ phần và chịu trách nhiệm thực hiện quyền và nghĩa vụ của đại diện chủ sở hữu phần vốn nhà nước theo quy định của pháp luật.

Bước 3. Hoàn tất việc chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần

1. Tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất và đăng ký doanh nghiệp.

a) Ban Chỉ đạo chỉ đạo Tổ giúp việc, người đại diện phần vốn nhà nước (nếu có) và doanh nghiệp tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất để thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động, phương án sản xuất kinh doanh, bầu Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và bộ máy điều hành công ty cổ phần;

b) Căn cứ vào kết quả Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất, Hội đồng quản trị công ty cổ phần thực hiện đăng ký doanh nghiệp theo quy định.

2. Tổ chức quyết toán, bàn giao giữa đơn vị sự nghiệp công lập và công ty cổ phần.

a) Trong thời gian 90 ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu, Ban Chỉ đạo chỉ đạo Tổ giúp việc và doanh nghiệp lập báo cáo tài chính tại thời điểm công ty cổ phần được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu, thực hiện quyết toán thuế, kiểm toán báo cáo tài chính, quyết toán chi phí cổ phần hóa, báo cáo bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND cấp tỉnh, Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh;

b) Căn cứ kết quả xác định lại giá trị phần vốn nhà nước tại thời điểm đăng ký doanh nghiệp của cơ quan đại diện chủ sở hữu, Ban Chỉ đạo chỉ đạo Tổ giúp việc và doanh nghiệp tổ chức bàn giao giữa đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi và công ty cổ phần;

c) Tổ chức ra mắt công ty cổ phần và thực hiện bố cáo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định.

Trong quá trình thực hiện, cơ quan quyết định chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập, Ban Chỉ đạo, Tổ giúp việc và đơn vị sự nghiệp công lập có thể tiến hành đồng thời nhiều bước để đẩy nhanh tiến độ chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần./.

VGP CHINHPHU.VN
Người ký: Cổng Thông tin điện tử Chính phủ
Email: thongtinchinhphu@chinhphu.vn
Cơ quan: Văn phòng Chính phủ
Thời gian ký: 19.01.2021 16:45:51 +07:00

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

VĂN BẢN HỢP NHẤT - BỘ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ
Hướng dẫn xác định giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng

Thông tư số 11/2019/TT-BXD ngày 26 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2020, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 02/2020/TT-BXD ngày 20 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của 04 Thông tư có liên quan đến quản lý chi phí đầu tư xây dựng có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 9 năm 2020.

Căn cứ Nghị định số 81/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Xét đề nghị của Viện trưởng Viện Kinh tế xây dựng và Cục trưởng Cục Kinh tế xây dựng[1]*;*

---

[1] Thông tư số 02/2020/TT-BXD ngày 20 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của 04 Thông tư có liên quan đến quản lý chi phí đầu tư xây dựng có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 9 năm 2020, có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 81/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Thực hiện Nghị quyết số 84/NQ-CP ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp tiếp tục tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công và bảo đảm trật tự an toàn xã hội trong bối cảnh đại dịch COVID-19;

Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Thông tư hướng dẫn xác định giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn xác định giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng (sau đây viết tắt là giá ca máy) làm cơ sở phục vụ công tác lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng của các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách và dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP) theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng (sau đây viết tắt là Nghị định số 68/2019/NĐ-CP).

2. Khuyến khích các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng của các dự án sử dụng nguồn vốn khác áp dụng các quy định tại Thông tư này, để xác định chi phí đầu tư xây dựng làm căn cứ thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước.

Điều 3. Nguyên tắc xác định giá ca máy

1. Giá ca máy là mức chi phí bình quân xác định cho một ca làm việc theo quy định của máy và thiết bị thi công xây dựng.

2. Giá ca máy được xác định trên cơ sở yêu cầu quản lý sử dụng máy và thiết bị thi công xây dựng, các định mức hao phí tính giá ca máy và mặt bằng giá của địa phương.

3. Giá ca máy được xác định phù hợp với quy định về máy thi công xây dựng trong định mức dự toán xây dựng công trình.

4. Giá ca máy của công trình cụ thể được xác định theo loại máy thi công xây dựng sử dụng (hoặc dự kiến sử dụng) để thi công xây dựng công trình phù hợp với thiết kế tổ chức xây dựng, biện pháp thi công xây dựng, tiến độ thi công xây dựng công trình và mặt bằng giá tại khu vực xây dựng công trình.

Thực hiện Nghị quyết số 108/NQ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai Nghị định số 68/2019/NĐ-CP về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Theo đề nghị của Viện trưởng Viện Kinh tế xây dựng và Cục trưởng Cục Kinh tế xây dựng;"

Điều 4. Nội dung giá ca máy

1. Giá ca máy gồm toàn bộ hoặc một số các khoản mục chi phí như chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, chi phí nhiên liệu, năng lượng, chi phí nhân công điều khiển và chi phí khác của máy.

2[2]. Giá ca máy chưa bao gồm chi phí cho các loại công tác xây dựng nhà bao che cho máy, nền móng máy, hệ thống cấp điện, nước, khí nén và các loại công tác xây dựng thực hiện tại hiện trường phục vụ cho việc lắp đặt, vận hành thử của một số loại máy như trạm trộn bê tông xi măng, trạm trộn bê tông nhựa, cần trục di chuyển trên ray và các loại thiết bị tương tự. Các chi phí này được lập dự toán riêng theo biện pháp thi công và tính vào chi phí khác của dự toán công trình.

3. Các nội dung chi phí trong giá ca máy được xác định phù hợp theo loại máy có cùng công nghệ, xuất xứ, các chỉ tiêu kỹ thuật chủ yếu.

Điều 5. Phương pháp xác định giá ca máy

1. Trình tự xác định giá ca máy như sau:

a) Lập danh mục máy và thiết bị thi công xây dựng;

b) Xác định thông tin, số liệu cơ sở phục vụ tính toán xác định giá ca máy;

c) Tính toán, xác định giá ca máy theo định mức hao phí và các dữ liệu cơ bản hoặc theo giá ca máy thuê.

2. Chi tiết phương pháp xác định giá ca máy được quy định tại Phụ lục số 1 của Thông tư này.

3. Định mức hao phí và các dữ liệu cơ bản để xác định giá ca máy được quy định tại Phụ lục số 2 của Thông tư này.

Điều 6. Quản lý giá ca máy

1. Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp khảo sát và ban hành định mức các hao phí và các dữ liệu cơ bản để xác định giá ca máy.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) giao cho cơ quan chuyên môn về xây dựng căn cứ vào phương pháp xác định giá ca máy theo hướng dẫn tại Thông tư này xác định

---

[2] Khoản này được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 3 Thông tư số 02/2020/TT-BXD ngày 20 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 9 năm 2020

và trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo định kỳ quý/năm hoặc khi có sự thay đổi lớn về giá trên thị trường xây dựng để làm cơ sở xác định chi phí máy thi công để lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng trên địa bàn và gửi về Bộ Xây dựng để theo dõi, quản lý.

3. Cơ quan chuyên môn về xây dựng thực hiện hoặc thuê tư vấn có năng lực chuyên môn theo quy định để thực hiện một phần việc hoặc toàn bộ công việc khảo sát thu thập số liệu xác định giá ca máy, khảo sát thành phần chi phí cơ bản của giá ca máy. Kinh phí cho việc xác định giá ca máy được bố trí từ nguồn ngân sách chi thường xuyên của Bộ, ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

4. Chủ đầu tư sử dụng giá ca máy đã được công bố làm cơ sở xác định giá xây dựng công trình. Trường hợp các loại máy và thiết bị thi công xây dựng không có trong công bố hoặc đã có nhưng chưa phù hợp với yêu cầu sử dụng và điều kiện thi công của công trình hoặc trường hợp dự án đầu tư thuộc địa bàn hai tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thì Chủ đầu tư tổ chức xây dựng giá ca máy của công trình theo nguyên tắc và phương pháp quy định tại Thông tư này, trình người quyết định đầu tư xem xét, phê duyệt áp dụng cho dự án, công trình và gửi về cơ quan chuyên môn của địa phương và Bộ Xây dựng để phục vụ quản lý.

5. Nhà thầu tư vấn lập dự toán xây dựng có trách nhiệm đề xuất giá ca máy chưa được công bố hoặc đã công bố nhưng chưa phù hợp với yêu cầu sử dụng và điều kiện thi công của công trình để lập dự toán và đảm bảo tính đầy đủ, chính xác của hồ sơ tài liệu báo cáo chủ đầu tư.

6. Các doanh nghiệp kinh doanh cung cấp, cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng trên địa bàn tỉnh, các chủ đầu tư, nhà thầu thi công xây lắp trúng thầu tại các dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn nhà nước, dự án PPP trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm cung cấp các thông tin về giá ca máy, giá thuê máy và các thông tin phục vụ cho việc khảo sát, xác định và công bố giá ca máy trên địa bàn tỉnh theo biểu mẫu do cơ quan chuyên môn về xây dựng yêu cầu cung cấp.

Điều 7. Xử lý chuyển tiếp

1. Trường hợp tổng mức đầu tư, dự toán xây dựng công trình đã được phê duyệt trước thời điểm có hiệu lực của Thông tư này và chưa ký kết hợp đồng xây dựng thì người quyết định đầu tư quyết định việc điều chỉnh giá ca máy trong tổng mức đầu

tư, dự toán xây dựng làm cơ sở xác định giá gói thầu theo giá ca máy do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố trên cơ sở đảm bảo tiến độ và hiệu quả thực hiện dự án.

2. Các gói thầu xây dựng đã ký kết hợp đồng xây dựng trước thời điểm có hiệu lực của Thông tư thì thực hiện theo nội dung hồ sơ mời thầu, hồ sơ dự thầu và nội dung hợp đồng xây dựng đã ký kết.

Điều 8. Hiệu lực thi hành[3]

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 15/02/2020.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, tổ chức, cá nhân gửi ý kiến về Bộ Xây dựng để xem xét, giải quyết./.

BỘ XÂY DỰNG

Số: 17/VBHN-BXD

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2020

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Văn Sinh

---

[3] Điều 5 của Thông tư số 02/2020/TT-BXD ngày 20 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của 04 Thông tư có liên quan đến quản lý chi phí đầu tư xây dựng có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 9 năm 2020, quy định như sau:

"Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 05/9/2020. Thông tư số 01/2017/TT-BXD ngày 06/02/2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí khảo sát xây dựng hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

2. Quy định chuyển tiếp:

a) Đối với các gói thầu xây dựng đã phát hành hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu nhưng chưa đóng thầu trước thời điểm có hiệu lực của Thông tư này, thì Người quyết định đầu tư xem xét, quyết định việc áp dụng các quy định tại Thông tư này để thực hiện.

b) Đối với các gói thầu xây dựng đã đóng thầu trước thời điểm có hiệu lực của Thông tư này, thì thực hiện theo nội dung hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất./."

PHỤ LỤC SỐ 1

PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ CA MÁY
VÀ THIẾT BỊ THI CÔNG XÂY DỰNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 11/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

Giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng *(sau đây gọi là giá ca máy)* là mức chi phí bình quân cho một ca làm việc theo quy định của máy và thiết bị thi công xây dựng.

Giá ca máy gồm toàn bộ hoặc một số khoản mục chi phí như chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, chi phí nhiên liệu, năng lượng, chi phí nhân công điều khiển và chi phí khác của máy và được xác định theo công thức sau:

$$C_{CM} = C_{KH} + C_{SC} + C_{NL} + C_{NC} + C_{CPK} \quad (1)$$

Trong đó:

- C_{CM}: giá ca máy (đồng/ca);
- C_{KH}: chi phí khấu hao (đồng/ca);
- C_{SC}: chi phí sửa chữa (đồng/ca);
- C_{NL}: chi phí nhiên liệu, năng lượng (đồng/ca);
- C_{NC}: chi phí nhân công điều khiển (đồng/ca);
- C_{CPK}: chi phí khác (đồng/ca).

1. Xác định các nội dung chi phí trong giá ca máy

Các khoản mục chi phí trong giá ca máy được xác định trên cơ sở định mức các hao phí xác định giá ca máy quy định tại Phụ lục số 2 Thông tư này và mặt bằng giá nhiên liệu, năng lượng, đơn giá nhân công, nguyên giá ca máy tại địa phương. Trường hợp loại máy và thiết bị chưa có trong quy định tại Phụ lục số 2 Thông tư này được xác định theo quy định tại mục 2 Phụ lục này.

1.1. Xác định chi phí khấu hao

a) Trong quá trình sử dụng máy, máy bị hao mòn, giảm dần giá trị sử dụng và giá trị của máy do tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh, do bào mòn của tự nhiên.

Khấu hao máy là việc tính toán, và phân bổ một cách có hệ thống nguyên giá của máy vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong thời gian trích khấu hao của máy để thu hồi vốn đầu tư máy. Khấu hao của máy được tính trong giá ca máy.

b) Chi phí khấu hao trong giá ca máy được xác định theo công thức sau:

$$C_{KH} = \frac{(G - G_{TH}) \times Đ_{KH}}{N_{CA}} \qquad (2)$$

Trong đó:

- C_{KH}: chi phí khấu hao trong giá ca máy (đồng/ca);

- G: nguyên giá máy trước thuế (đồng);

- G_{TH}: giá trị thu hồi (đồng);

- $Đ_{KH}$: định mức khấu hao của máy (%/năm);

- N_{CA}: số ca làm việc của máy trong năm (ca/năm).

c) Xác định nguyên giá máy:

- Nguyên giá của máy để tính giá ca máy được xác định theo giá máy mới, phù hợp với mặt bằng thị trường của loại máy sử dụng để thi công xây dựng công trình.

- Nguyên giá của máy là toàn bộ các chi phí để đầu tư mua máy tính đến thời điểm đưa máy vào trạng thái sẵn sàng sử dụng gồm giá mua máy (không kể chi phí cho vật tư, phụ tùng thay thế mua kèm theo), thuế nhập khẩu (nếu có), chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản, chi phí lưu kho, chi phí lắp đặt (lần đầu tại một công trình), chi phí chuyển giao công nghệ (nếu có), chạy thử, các khoản chi phí hợp lệ khác có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư máy, không bao gồm thuế giá trị gia tăng[4].

- Nguyên giá của máy không bao gồm các chi phí như quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư này và các chi phí như: chi phí lắp đặt, tháo dỡ trạm trộn bê tông xi măng, trạm trộn bê tông nhựa, cần trục di chuyển trên ray, cần trục tháp và các thiết bị, máy thi công xây dựng tương tự khác từ lần thứ hai trở đi. Các chi phí này

[4] Cụm từ "thuế VAT" được thay thế bằng cụm từ "thuế giá trị gia tăng" theo quy định tại điểm 1.1 khoản 1 mục I Phụ lục III Thông tư số 02/2020/TT-BXD ngày 20 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 9 năm 2020

được xác định bằng cách lập dự toán và được tính vào chi phí khác trong dự toán xây dựng công trình[5].

- Nguyên giá của máy được xác định trên cơ sở các số liệu sau:

+ Khảo sát nguyên giá máy thi công của các doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn tỉnh về lĩnh vực thiết bị công trình xây dựng, kinh doanh cung cấp, cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng, doanh nghiệp xây dựng có thiết bị máy móc xây dựng; báo giá của nhà cung cấp, theo hợp đồng mua bán máy và các chi phí khác liên quan để đưa máy vào trạng thái sẵn sàng hoạt động;

+ Tham khảo nguyên giá máy từ các công trình tương tự đã và đang thực hiện theo nguyên tắc phù hợp với mặt bằng giá máy trên thị trường tại thời điểm tính giá ca máy;

+ Tham khảo nguyên giá máy các địa phương lân cận công bố hoặc nguyên giá máy tham chiếu của Bộ Xây dựng tại Phụ lục 2 Thông tư này.

d) Giá trị thu hồi: là giá trị phần còn lại của máy sau khi thanh lý, được xác định như sau:

- Đối với máy có nguyên giá từ 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) trở lên giá trị thu hồi tính bằng 10% nguyên giá.

- Không tính giá trị thu hồi với máy có nguyên giá nhỏ hơn 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

đ) Định mức khấu hao của máy (%/năm) được xác định trên cơ sở định mức khấu hao của máy quy định tại Phụ lục số 2 Thông tư này. Đối với những máy làm việc ở vùng nước mặn, nước lợ và trong môi trường ăn mòn cao thì định mức khấu hao được điều chỉnh với hệ số 1,05[6].

e) Số ca làm việc của máy trong năm (ca/năm) được xác định trên cơ sở số ca làm việc của máy trong năm quy định tại Phụ lục số 2 Thông tư này.

---

[5] Cụm từ "chi phí gián tiếp trong dự toán xây dựng công trình" được thay thế bằng cụm từ "chi phí khác trong dự toán xây dựng công trình" theo quy định tại điểm 1.1 khoản 1 mục I Phụ lục III Thông tư số 02/2020/TT-BXD ngày 20 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 9 năm 2020

[6] Cụm từ "Đối với những máy làm việc ở vùng nước mặn, nước lợ và trong môi trường ăn mòn cao thì định mức khấu hao được điều chỉnh với hệ số 1,05" được bổ sung theo quy định tại điểm 1.2 khoản 1 mục I Phụ lục III Thông tư số 02/2020/TT-BXD ngày 20 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 9 năm 2020

1.2. Xác định chi phí sửa chữa

a) Chi phí sửa chữa máy là các khoản chi phí để bảo dưỡng, sửa chữa máy định kỳ, sửa chữa máy đột xuất trong quá trình sử dụng máy nhằm duy trì và khôi phục năng lực hoạt động tiêu chuẩn của máy[7]. Chi phí sửa chữa trong giá ca máy được xác định theo công sau:

$$C_{CS} = \frac{G \times Đ_{SC}}{N_{CA}} \qquad (3)$$

Trong đó:

- C_{SC}: chi phí sửa chữa trong giá ca máy (đồng/ca)

- $Đ_{SC}$: định mức sửa chữa của máy (% năm)

- G: nguyên giá máy trước thuế VAT (đồng)

- N_{CA}: số ca làm việc của máy trong năm (ca/năm).

b) Định mức sửa chữa của máy (% năm) được xác định trên cơ sở định mức sửa chữa của máy quy định tại Phụ lục số 2 Thông tư này. Đối với những máy làm việc ở vùng nước mặn, nước lợ và trong môi trường ăn mòn cao thì định mức sửa chữa được điều chỉnh với hệ số 1,05[8].

c) Nguyên giá máy trước thuế (G) và số ca làm việc của máy trong năm (N_{CA}) xác định như quy định tại điểm c, e mục 1.1 Phụ lục này.

d) Chi phí sửa chữa máy chưa bao gồm chi phí thay thế các loại phụ tùng thuộc bộ phận công tác của máy có giá trị lớn mà sự hao mòn của chúng phụ thuộc chủ yếu tính chất của đối tượng công tác.

1.3. Xác định chi phí nhiên liệu, năng lượng

a) Nhiên liệu, năng lượng là xăng, dầu, điện, gas hoặc khí nén tiêu hao trong thời gian một ca làm việc của máy để tạo ra động lực cho máy hoạt động gọi là nhiên liệu chính.

---

[7] Cụm từ "Chi phí sửa chữa máy là các khoản chi phí để bảo dưỡng, sửa chữa máy định kỳ, sửa chữa máy đột xuất trong quá trình sử dụng máy nhằm duy trì và khôi phục năng lực hoạt động tiêu chuẩn của máy" được bổ sung theo quy định tại điểm 2.1 khoản 2 mục I Phụ lục III Thông tư số 02/2020/TT-BXD ngày 20 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 9 năm 2020

[8] Cụm từ "Đối với những máy làm việc ở vùng nước mặn, nước lợ và trong môi trường ăn mòn cao thì định mức sửa chữa được điều chỉnh với hệ số 1,05" được bổ sung theo quy định tại điểm 2.2 khoản 2 mục I Phụ lục III Thông tư số 02/2020/TT-BXD ngày 20 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 9 năm 2020

Các loại dầu mỡ bôi trơn, dầu truyền động,... gọi là nhiên liệu phụ trong một ca làm việc của máy được xác định bằng hệ số so với chi phí nhiên liệu chính.

b) Chi phí nhiên liệu, năng lượng trong giá ca máy được xác định theo công thức sau:

$$C_{NL} = \sum_{i=1}^{n} Đ_{NLi} \times G_{NLi} \times K_{Pi} \qquad (4)$$

Trong đó:

- C_{NL}: chi phí nhiên liệu, năng lượng trong giá ca máy (đồng/ca);

- $Đ_{NL}$: định mức tiêu hao nhiên liệu, năng lượng loại i của thời gian máy làm việc trong một ca;

- G_{NL}: giá nhiên liệu loại i;

- K_{Pi}: hệ số chi phí nhiên liệu phụ loại i;

- n: số loại nhiên liệu, năng lượng sử dụng trong một ca máy.

c) Định mức tiêu hao nhiên liệu, năng lượng của thời gian máy làm việc trong một ca của một loại máy và thiết bị thi công được xác định theo quy định tại Phụ lục số 2 Thông tư này.

d) Giá nhiên liệu, năng lượng được xác định trên cơ sở:

- Giá xăng, dầu: theo thông cáo báo chí giá xăng dầu của Tập đoàn xăng dầu Việt Nam Petrolimex phù hợp với thời điểm tính giá ca máy và khu vực xây dựng công trình;

- Giá điện: theo quy định về giá bán điện của nhà nước phù hợp với thời điểm tính giá ca máy và khu vực xây dựng công trình.

đ) Hệ số chi phí nhiên liệu phụ cho một ca máy làm việc, được xác định theo từng loại máy và điều kiện cụ thể của công trình. Hệ số chi phí nhiên liệu phụ có giá trị bình quân như sau:

- Máy và thiết bị chạy động cơ xăng: 1,02;

- Máy và thiết bị chạy động cơ diesel: 1,03;

- Máy và thiết bị chạy động cơ điện: 1,05.

e) Trường hợp các loại máy để thực hiện một số loại công tác (như khảo sát, thí nghiệm và một số loại công tác khác) mà chi phí nhiên liệu, năng lượng đã tính

vào chi phí vật liệu trong đơn giá của công tác đó thì khi xác định giá ca máy không tính thành phần chi phí nhiên liệu, năng lượng.

1.4. Xác định chi phí nhân công điều khiển

a) Chi phí nhân công điều khiển trong một ca máy được xác định trên cơ sở các quy định về số lượng, thành phần, nhóm, cấp bậc công nhân điều khiển máy theo quy trình vận hành máy và đơn giá ngày công tương ứng với cấp bậc công nhân điều khiển máy.

b) Chi phí nhân công điều khiển trong giá ca máy được xác định theo công thức sau:

$$C_{NC} = \sum_{i=1}^{n} N_i \times C_{TLi} \qquad (5)$$

Trong đó:

- N_i: số lượng công nhân theo cấp bậc điều khiển máy loại i trong một ca máy;
- C_{TLi}: đơn giá ngày công cấp bậc công nhân điều khiển máy loại i;
- n: số lượng, loại công nhân điều khiển máy trong một ca máy.

c) Số lượng công nhân theo cấp bậc điều khiển máy trong một ca làm việc của một loại máy được xác định số lượng, thành phần và cấp bậc thợ điều khiển quy định tại Phụ lục số 2 Thông tư này.

d) Đơn giá ngày công cấp bậc công nhân điều khiển máy được xác định trên cơ sở đơn giá nhân công xây dựng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố.

đ) Trường hợp các loại máy để thực hiện một số loại công tác (như khảo sát xây dựng, thí nghiệm và một số loại công tác khác) mà chi phí nhân công điều khiển máy đã tính vào chi phí nhân công trong đơn giá thì khi xác định giá ca máy không tính thành phần chi phí nhân công điều khiển.

1.5. Xác định chi phí khác[9]

a) Chi phí khác trong giá ca máy là các khoản chi phí cần thiết đảm bảo để máy hoạt động bình thường, có hiệu quả tại công trình, gồm bảo hiểm máy, thiết bị trong quá trình sử dụng; bảo quản máy và phục vụ cho công tác bảo dưỡng

[9] Tên khoản này được sổi đổi theo quy định tại khoản 3 mục I Phụ lục III Thông tư số 02/2020/TT-BXD ngày 20 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 9 năm 2020

kỹ thuật trong bảo quản máy; đăng kiểm các loại; di chuyển máy trong nội bộ công trình và các khoản chi phí có liên quan trực tiếp đến quản lý máy và sử dụng máy tại công trình chưa được tính trong các nội dung chi phí khác trong giá xây dựng công trình, dự toán xây dựng[10]. Chi phí khác trong giá ca máy được xác định theo công thức sau:

$$C_K = \frac{G \times G_K}{N_{CA}} \qquad (6)$$

Trong đó:

- C_K: chi phí khác trong giá ca máy (đồng/ca);

- G_K: định mức chi phí khác của máy (% năm);

- G: nguyên giá máy trước thuế (đồng);

- N_{CA}: số ca làm việc của máy trong năm (ca/năm).

b) Định mức chi phí khác của máy được xác định trên cơ sở định mức chi phí khác của máy quy định tại Phụ lục số 2 Thông tư này. Trường hợp loại máy và thiết bị chưa có trong quy định tại Phụ lục số 2 Thông tư này thì định mức chi phí khác của máy được xác định theo quy định tại mục 2 Phụ lục này.

c) Nguyên giá máy trước thuế (G) và số ca làm việc của máy trong năm (N_{CA}) xác định như quy định tại điểm c, e mục 1.1 Phụ lục này.

2. Xác định giá ca máy của loại máy và thiết bị thi công chưa có trong quy định tại Phụ lục số 2 Thông tư này

Trường hợp loại máy và thiết bị chưa có trong quy định tại Phụ lục số 2 Thông tư này thì việc xác định giá ca máy thực hiện theo các phương pháp khảo sát, xác định định mức các hao phí và các dữ liệu cơ bản của giá ca máy quy định tại mục 2.1 Phụ lục này để phục vụ tính toán xác định giá ca máy. Đối với một số loại máy

---

[10] Nội dung "Chi phí khác trong giá ca máy là các khoản chi phí cần thiết đảm bảo để máy hoạt động bình thường, có hiệu quả tại công trình, gồm bảo hiểm máy, thiết bị trong quá trình sử dụng; bảo quản máy và phục vụ cho công tác bảo dưỡng kỹ thuật trong bảo quản máy; đăng kiểm các loại; di chuyển máy trong nội bộ công trình và các khoản chi phí có liên quan trực tiếp đến quản lý máy và sử dụng máy tại công trình chưa được tính trong các nội dung chi phí khác trong giá xây dựng công trình, dự toán xây dựng" được bổ sung theo quy định tại khoản 3 mục I Phụ lục III Thông tư số 02/2020/TT-BXD ngày 20 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 9 năm 2020

và thiết bị thi công xây dựng có sẵn thông tin giá thuê máy phổ biến trên thị trường thì có thể khảo sát, xác định giá thuê máy trên thị trường để phục vụ tính toán xác định giá ca máy theo phương pháp quy định tại mục 2.2 Phụ lục này. Cụ thể như sau:

2.1. Phương pháp khảo sát xác định định mức các hao phí và các dữ liệu cơ bản của giá ca máy

a) Trình tự khảo sát xác định giá ca máy theo các định mức các hao phí và các dữ liệu cơ bản của giá ca máy như sau:

- Bước 1: Lập danh mục máy và thiết bị thi công xây dựng cần xác định giá ca máy.

- Bước 2: Khảo sát số liệu làm cơ sở xác định từng định mức hao phí và các dữ liệu cơ bản xác định các thành phần chi phí của giá ca máy;

- Bước 3: Tính toán, xác định giá ca máy bình quân.

b) Nội dung khảo sát xác định định mức các hao phí để tính giá ca máy:

- Định mức khấu hao của máy: khảo sát về mức độ hao mòn của máy trong quá trình sử dụng máy do nhà sản xuất máy công bố hoặc theo điều kiện sử dụng cụ thể của máy;

- Định mức sửa chữa của máy: khảo sát thu thập, tổng hợp số liệu về chi phí bảo dưỡng, sửa chữa máy trong cả đời máy từ các hồ sơ, tài liệu sau: nhật ký công trình, thống kê chi phí bảo dưỡng, sửa chữa máy, các quy định về bảo dưỡng, sửa chữa máy; quy đổi tổng số chi phí bảo dưỡng, sửa chữa máy thành tỷ lệ phần trăm (%) so với nguyên giá máy; phân bổ đều tỷ lệ % chi phí bảo dưỡng, sửa chữa máy theo số năm đời máy;

- Số ca làm việc trong năm của máy: khảo sát thu thập, tổng hợp số liệu về thời gian sử dụng máy trong thực tế từ các hồ sơ, tài liệu liên quan đến thời gian sử dụng máy gồm: nhật ký công trình, báo cáo thống kê định kỳ về thời gian sử dụng máy, các quy định và yêu cầu kỹ thuật về thời gian bảo dưỡng, sửa chữa máy, số liệu thống kê về thời tiết ảnh hưởng đến thời gian làm việc của máy; quy định về thời gian sử dụng và hoạt động cả đời máy trong tài liệu kỹ thuật của máy hoặc do nhà sản xuất máy công bố… Bổ sung các yếu tố ảnh hưởng đến số ca làm việc của máy trong năm theo những điều kiện cụ thể của công trình;

- Định mức tiêu hao nhiên liệu, năng lượng: khảo sát số liệu mức nhiên liệu, năng lượng của máy tiêu thụ phù hợp với thời gian làm việc thực tế của máy trong ca; số liệu tính toán theo quy định trong tài liệu kỹ thuật của máy do nhà sản xuất máy công bố về tiêu hao nhiên liệu, năng lượng khi máy hoạt động;

- Số lượng nhân công: Khảo sát số lượng công nhân điều khiển máy, trình độ tay nghề (cấp bậc thợ); khảo sát các quy định về nhân công điều khiển máy do nhà sản xuất máy công bố;

- Định mức chi phí khác của máy: khảo sát thu thập, tổng hợp số liệu về chi phí khác của máy gồm các chi phí cần thiết để máy hoạt động bình thường, có hiệu quả tại công trình quy định tại điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư này; quy đổi giá trị khoản chi phí này theo tỷ lệ % so với giá tính khấu hao của máy; phân bổ chi phí quản lý máy cho số năm đời máy;

- Trường hợp một trong định mức các hao phí xác định giá ca máy thiếu số liệu khảo sát hoặc không đủ cơ sở, tài liệu để khảo sát số liệu thì được xác định bằng cách tính toán áp dụng quy định định mức của các loại máy có cùng tính năng kỹ thuật nhưng khác về công suất hoặc thông số kỹ thuật chủ yếu tại Phụ lục số 2 Thông tư này[11].

c) Nội dung khảo sát xác định nguyên giá của máy:

Nguyên giá của máy cần xác định giá ca máy được xác định trên cơ sở:

- Hợp đồng mua bán máy và các chi phí khác liên quan để đưa máy vào trạng thái sẵn sàng hoạt động;

- Báo giá của nhà cung cấp hoặc của các doanh nghiệp hoạt động về lĩnh vực thiết bị công trình xây dựng, kinh doanh cung cấp, cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng và các chi phí khác liên quan để đưa máy vào trạng thái sẵn sàng hoạt động;

- Tham khảo nguyên giá máy từ các công trình tương tự đã và đang thực hiện theo nguyên tắc phù hợp với mặt bằng giá máy trên thị trường tại thời điểm tính giá ca máy;

---

[11] Nội dung "Trường hợp một trong định mức các hao phí xác định giá ca máy thiếu số liệu khảo sát hoặc không đủ cơ sở, tài liệu để khảo sát số liệu thì được xác định bằng cách tính toán áp dụng quy định định mức của các loại máy có cùng tính năng kỹ thuật nhưng khác về công suất hoặc thông số kỹ thuật chủ yếu tại Phụ lục số 2 Thông tư này" được bổ sung theo quy định tại điểm 4.1 khoản 4 mục I Phụ lục III Thông tư số 02/2020/TT-BXD ngày 20 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 9 năm 2020

- Tham khảo nguyên giá máy từ hồ sơ máy thi công của các nhà thầu trúng thầu các dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh;

- Tham khảo nguyên giá máy các địa phương lân cận công bố.

d)[12] Tổng hợp xử lý số liệu và tính toán xác định giá ca máy.

- Định mức các hao phí xác định giá ca máy và nguyên giá máy được sàng lọc và xử lý dữ liệu trên cơ sở tổng hợp các thông tin, số liệu khảo sát theo từng nội dung.

- Giá ca máy của mỗi công tác xây dựng được xác định theo phương pháp xác định các thành phần chi phí cơ bản của giá ca máy trên cơ sở số liệu sau khi phân tích.

2.2. Phương pháp khảo sát giá ca máy thuê trên thị trường:

a) Trình tự xác định giá ca máy theo số liệu khảo sát giá thuê máy như sau:

- Bước 1: Lập danh mục máy và thiết bị thi công xây dựng có thông tin giá thuê máy phổ biến trên thị trường;

- Bước 2: Khảo sát xác định giá thuê máy trên thị trường;

- Bước 3: Tính toán, xác định giá ca máy theo giá ca máy thuê bình quân.

b) Phạm vi/khu vực khảo sát giá thuê máy: Khảo sát trên địa bàn các địa phương và các địa phương lân cận.

c) Nguyên tắc khảo sát xác định giá ca máy thuê:

- Giá ca máy thuê trên thị trường được khảo sát thu thập, tổng hợp số liệu, thống kê giá cho thuê máy của các doanh nghiệp xây dựng, doanh nghiệp kinh doanh mua, bán, cho thuê máy;

- Giá ca máy thuê được khảo sát xác định phù hợp với chủng loại máy và thiết bị thi công được sử dụng trong định mức dự toán ban hành, hoặc định mức dự toán xây dựng của công trình.

d) Nội dung khảo sát cần xác định rõ các thông tin sau:

- Giá ca máy thuê được khảo sát xác định chỉ bao gồm toàn bộ hoặc một số các khoản mục chi phí trong giá ca máy như chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa,

---

[12] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm 4.2 khoản 4 mục I Phụ lục III Thông tư số 02/2020/TT-BXD ngày 20 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 9 năm 2020

chi phí nhiên liệu, năng lượng, chi phí nhân công điều khiển và chi phí khác của máy. Các nội dung chi phí khác liên quan đến việc cho thuê máy để đủ điều kiện cho máy hoạt động, vận hành tại công trường (nếu có) như các khoản mục chi phí quy định tại khoản 2 Điều 4 của Thông tư này và chi phí vận chuyển máy móc, thiết bị đến công trình... được tách riêng không bao gồm trong giá ca máy thuê được khảo sát;

- Giá ca máy thuê được khảo sát xác định tương ứng với đơn vị ca máy (theo quy định về thời gian một ca hoạt động sản xuất thi công của định mức dự toán xây dựng) và các hình thức cho thuê máy (cho thuê bao gồm cả vận hành hoặc chỉ cho thuê máy không bao gồm vận hành) cùng các điều kiện cho thuê máy kèm theo;

- Trường hợp doanh nghiệp công bố giá thuê máy theo các đơn vị thời gian thuê máy theo giờ, theo ngày, theo tháng hoặc năm thì phải được quy đổi về giá thuê theo ca máy để phục vụ tính toán;

- Trường hợp hình thức cho thuê máy bao gồm cả vận hành thì thông tin khảo sát cần xác định riêng các khoản mục chi phí liên quan đến vận hành máy (gồm chi phí nhiên liệu, năng lượng, chi phí nhân công điều khiển máy) và các khoản mục chi phí được phân bổ vào giá ca máy thuê (gồm chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, chi phí khác);

- Khảo sát các thông tin cơ bản của máy: về thông số kỹ thuật của máy (chủng loại, công suất, kích thước, mức độ tiêu hao nhiên liệu…); về xuất xứ của máy; về tình trạng của máy…;

- Khảo sát các thông tin cơ bản về doanh nghiệp cho thuê máy.

đ) Tổng hợp xử lý số liệu và tính toán xác định giá ca máy thuê

Giá ca máy thuê sau khi khảo sát được sàng lọc theo từng loại và công suất máy, đồng thời được xử lý dữ liệu trước khi tính toán xác định giá ca máy thuê bình quân làm cơ sở công bố, cụ thể:

- Các khoản mục chi phí nhiên liệu, năng lượng, chi phí nhân công điều khiển máy trong giá ca máy thuê khảo sát được chuẩn xác theo quy định của nhà sản xuất về mức tiêu hao năng lượng, nhiên liệu, thành phần thợ lái máy và các quy định xác định giá nhiên liệu, năng lượng, đơn giá nhân công tại mục I Phụ lục này. Sau

đó tổng hợp xử lý bằng phương pháp hồi quy, chuyển đổi số liệu về thời điểm tính toán và tổng hợp để xác định chi phí;

- Các khoản mục chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, chi phí khác trong giá ca máy thuê khảo sát được xử lý bằng phương pháp hồi quy, chuyển đổi số liệu về thời điểm tính toán và tổng hợp để xác định chi phí.

4. Xác định giá ca máy chờ đợi

a) Giá ca máy chờ đợi là giá ca máy của các loại máy đã được huy động đến công trình để thi công xây dựng công trình nhưng chưa có việc để làm nhưng không do lỗi của nhà thầu.

b) Giá ca máy chờ đợi gồm chi phí khấu hao (được tính 50% chi phí khấu hao), chi phí nhân công điều khiển (được tính 50% chi phí nhân công điều khiển) và chi phí khác của máy.

5. Xác định giá thuê máy theo giờ

a) Giá thuê máy theo giờ là chi phí bên đi thuê trả cho bên cho thuê để được quyền sử dụng máy trong một khoảng thời gian tính theo giờ máy (chưa đủ một ca) để hoàn thành đơn vị khối lượng sản phẩm xây dựng.

b) Giá máy theo giờ bao gồm chi phí nhiên liệu, năng lượng; chi phí tiền lương thợ điều khiển máy; chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa và chi phí khác được tính toán và được phân bổ cho một giờ làm việc.

c) Tùy theo loại máy xây dựng, tính chất công việc của công tác xây dựng, công nghệ, biện pháp thi công, giá máy theo giờ được xác định trên cơ sở điều chỉnh giá ca máy theo ca được công bố trong bảng giá ca máy của địa phương nhân với hệ số 1,2 hoặc khảo sát xác định theo hướng dẫn tại mục 2.2 của Phụ lục 1 Thông tư này.

(Xem tiếp Công báo số 77 + 78)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng